

Tâm điểm Trái phiếu | Tháng 06-2025:

Trái phiếu Ngân hàng tiếp tục tăng mạnh nhằm đáp ứng nhu cầu tăng trưởng tín dụng cao

Ngày phát hành 14 tháng 07 năm 2025

Công ty thành viên thuộc



Phần	Tiêu đề	Trang
1	Tóm lược báo cáo	4 – 5
2	Yếu tố Vĩ mô và Quy định Pháp lý mới	7 – 9
3	Cập nhật Giao dịch Thị trường	11 – 14
4	Tâm điểm Tài chính Bền vững	16 - 18
5	Phụ lục	20 – 26

Đội ngũ phân tích:



Nguyễn Quang Thuân, FCCA

Tổng Giám đốc

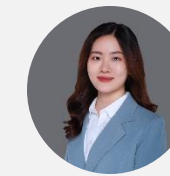
Email: thuan.nguyen@fiingroup.vn



Nguyễn Tùng Anh

Trưởng bộ phận Nghiên cứu Tín dụng và Dịch vụ Tài chính Bền vững

Email: anh.nguyen@fiingroup.vn



Nguyễn Thảo Hạnh

Chuyên viên Cấp cao, Nghiên cứu Tín dụng và Dịch vụ Tài chính Bền vững

Email: hanh.nguyenthao@fiingroup.vn



Đinh Thuý Hằng

Chuyên viên Cấp cao, Nghiên cứu Tín dụng và Dịch vụ Tài chính Bền vững

Email: hang.dinh@fiingroup.vn



Đào Yến Nhung

Chuyên viên Cấp cao, Nghiên cứu Tín dụng và Dịch vụ Tài chính Bền vững

Email: nhung.daoyen@fiingroup.vn

Nội dung

- 01** | Tóm lược báo cáo
- 02** | Yếu tố Vĩ mô và Quy định Pháp lý mới
- 03** | Cập nhật Giao dịch Thị trường
- 04** | Tâm điểm Tài chính Bền vững
- 05** | Phụ lục



Yếu tố Vĩ mô Chính Tác động:

- **Tín dụng tăng trưởng cao và khoảng cách gia tăng với tăng trưởng tiền gửi làm cho hoạt động phát hành trái phiếu của NHTM tiếp tục sôi động.** Tín dụng trong 6 tháng đầu năm tăng trưởng 9,9% và tăng mạnh tăng trưởng huy động tiền gửi làm tăng nhu cầu tăng vốn cấp 2 của các NHTM nhằm đáp ứng các tỷ lệ an toàn vốn. Đồng thời, kênh vốn TPDN cũng hưởng lợi từ môi trường lãi suất thấp.
- **Huy động vốn nợ hoặc trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp Việt Nam vẫn khó khăn** do Fed Fund Rate vẫn neo ở mức cao và tỷ giá VND/USD tiếp tục tăng bất chấp xu hướng điều chỉnh giảm của USD

Quy định Pháp lý mới:

- **Yêu cầu mới về điều kiện phát hành trái phiếu riêng lẻ được kỳ vọng tăng chất lượng hàng hóa trái phiếu:** Luật Doanh nghiệp Sửa đổi (2025) đi vào hiệu lực từ 1/7/2025 đã yêu cầu Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu (bao gồm cả giá trị lô trái phiếu dự kiến phát hành) phải không được cao hơn 5 lần khi một doanh nghiệp muốn phát hành trái phiếu riêng lẻ. Quy định pháp lý mới này sẽ hạn chế các tổ chức phát hành trái phiếu là các doanh nghiệp hoặc công ty dự án có mức đòn bẩy tài chính quá cao.
- Quy định này cũng sẽ giúp một số trường hợp sẽ dịch chuyển sang kênh chào bán đại chúng.

Hoạt động Thị trường Sơ cấp:

- **Về quy mô phát hành:** trong tháng 6 tiếp tục tăng mạnh để đạt 105,5 nghìn tỷ (+52,4% so với tháng trước), trong đó 100% là phát hành riêng lẻ. Trong 6 tháng đầu năm, giá trị phát hành của thị trường đạt 248,6 nghìn tỷ (+71,2% so với cùng kỳ năm ngoái), với 76,3% giá trị phát hành đến từ tổ chức tín dụng. Như vậy, với tốc độ này thì năm nay tổng giá trị huy động qua kênh TPDN sẽ đạt trên nửa triệu tỷ - tức chỉ kém năm đỉnh cao 2021 với hơn 700 ngàn tỷ huy động qua kênh vốn này.
- **Về cơ cấu phát hành:** TP ngân hàng chiếm phần lớn với 76,3% trong tổng giá trị phát hành nửa đầu năm 2025, tức 189,7 ngàn tỷ đồng. Bối cảnh tăng trưởng tín dụng cao buộc các NHTM phải đẩy mạnh phát hành tăng vốn cấp 2 thông qua kênh trái phiếu này. Lý do là cho tăng trưởng huy động tiền gửi chậm lại một phần do chủ trương giữ lãi suất huy động thấp trong khi NHTM vẫn phải duy trì đảm bảo tỷ lệ LDR và Hệ số Sử dụng vốn Ngắn hạn cho Vay trung - dài hạn. Còn lại 23,7% giá trị huy động tức tương đương khoảng 58,9 ngàn tỷ đồng thì trái phiếu Bất động sản chiếm khoảng 67,3%, ở mức 39,6 ngàn tỷ đồng. Điều này là dễ hiểu trong bối cảnh nhiều dự án được tháo gỡ pháp lý giúp cho việc tiếp cận tín dụng và huy động qua kênh TPDN khả thi hơn. Đây có lẽ là dấu hiệu tích cực cho ngành BĐS, qua đó kiểm soát rủi ro nợ xấu của NHTM.
- **Về hình thức phát hành:** Giá trị TPDN chào bán rộng rãi ra công chúng có sự tăng trưởng đáng kể với tổng giá trị đạt 27,9 ngàn tỷ, bằng hơn 76,8% tổng giá trị của cả năm 2024. Tuy nhiên, chỉ có NHTM và 02 CTCK lựa chọn kênh chào bán rộng rãi ra công chúng để phát hành.

- **Về lãi suất danh nghĩa:** Lãi suất huy động (danh nghĩa - coupon) giảm đáng kể từ mức bình quân 7,43% về 6,69% (bình quân của tất cả các kỳ hạn và tất cả các loại trái phiếu). 64% giá trị trái phiếu được phát hành với cơ chế lãi suất cố định, 22% theo phương thức thả nổi (neo theo LSHĐ tiền gửi bình quân kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng quốc doanh) và còn lại là lãi suất kết hợp.
- **Về hoạt động mua lại:** diễn ra sôi nổi đến từ các Tổ chức tín dụng và DN Bất động sản (gấp 1,2 lần so với tháng trước), giúp hoạt động mua lại trong 6 tháng tăng 42,7% so với cùng kỳ năm 2024. Giá trị đáo hạn trong 6 tháng cuối năm ước tính đạt 125,0 nghìn tỷ, gây áp lực lên khả năng thực hiện nghĩa vụ thanh toán của TCPH.

Hoạt động Thị trường thứ cấp:

- **Về thanh khoản:** Giao dịch thứ cấp cả tháng 6/2025 đạt gần 137,1 nghìn tỷ VND ở cả phát hành riêng lẻ và công chúng, giá trị giao dịch trung bình ngày tăng 13,4% so với tháng trước, ở mức 6,53 nghìn tỷ/ngày. Nhóm ngân hàng và bất động sản vẫn chiếm đa số với gần 71% tổng giá trị giao dịch toàn thị trường. Cả 6 tháng đầu năm 2025, thanh khoản đã sôi động trở lại, trong khi giá trị giao dịch của nhóm Ngân hàng không thay đổi đáng kể so với cùng kỳ năm trước, nhóm Bất động sản bật tăng 37.6% giá trị.
- **Về tỷ suất lợi tức giao dịch (YTM):** YTM cơ bản là giao dịch trong phạm vi ổn định so với lãi suất danh nghĩa. Tuy nhiên, một số giao dịch trái phiếu có của các DN gặp khó khăn về tài chính và đã chậm trả trái phiếu nhiều năm thì có mức tỷ suất giao dịch lên tận 30-40%, 50-70%, 185% và cá biệt có giao dịch lên tới 519% cho kỳ hạn còn lại ngắn 6 tháng.
- **Về nợ xấu trái phiếu:** Thị trường trong tháng 6 ghi nhận thêm 4,5 nghìn tỷ TPDN có vấn đề từ các doanh nghiệp, nâng tổng giá trị này lên 23 nghìn tỷ trong 6 tháng đầu năm (-31,0% so với cùng kỳ năm ngoái). Trong đó, 45,8% giá trị TPDN có vấn đề đến từ nhóm ngành Bất động sản, 16,4% từ ngành Sản xuất, 8,7% từ ngành Xây dựng và 28,6% còn lại đến từ các lĩnh vực khác.

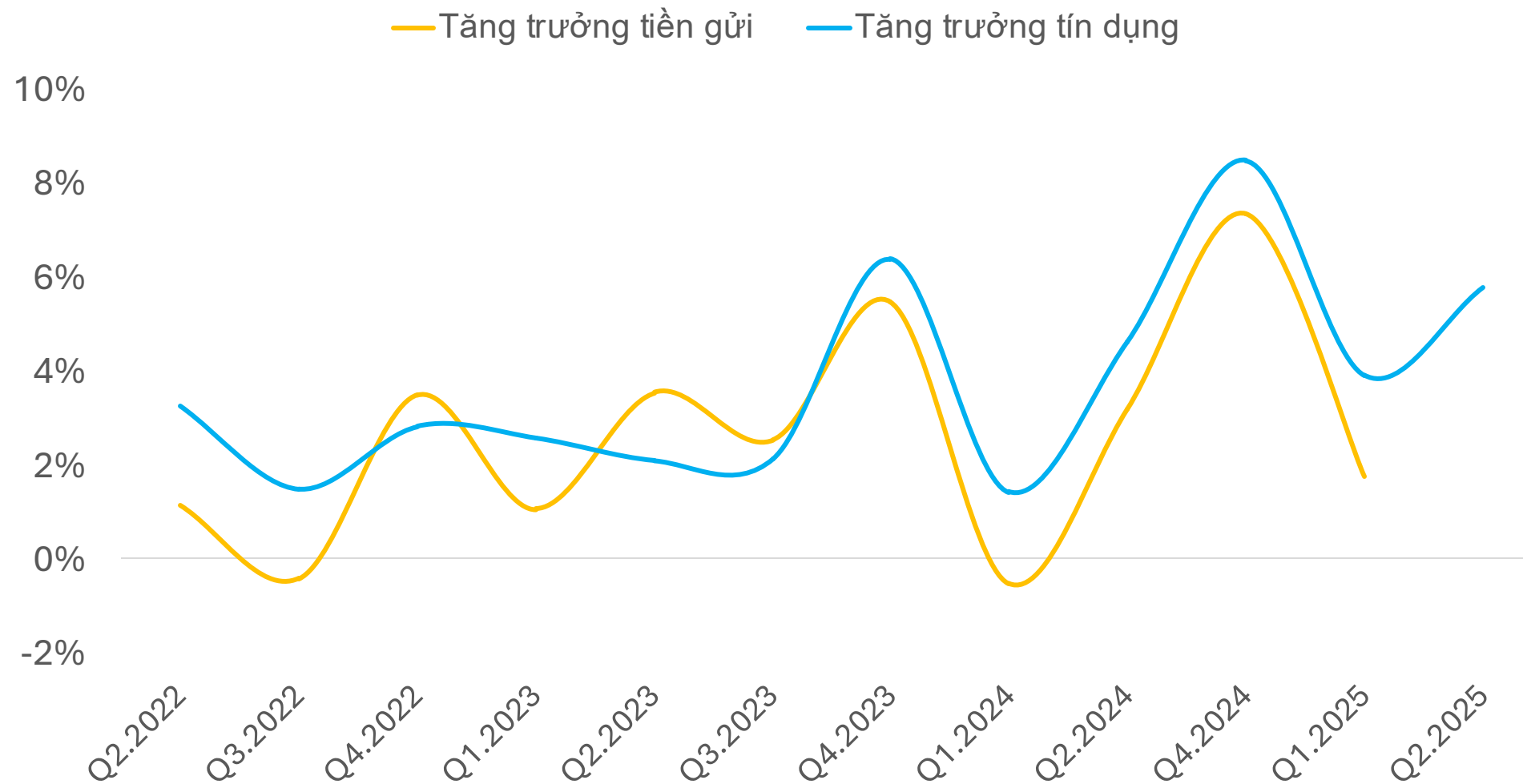
Tâm điểm về Tài chính Xanh:

- Việt Nam có thị trường trái phiếu với mức tăng trưởng ấn tượng, đạt 140 tỷ USD năm 2025, tuy nhiên, trái phiếu xanh chỉ chiếm dưới 1%. Để phát huy tiềm năng thị trường và công cụ huy động vốn xanh, bền vững với chi phí hấp dẫn cho doanh nghiệp hướng đến các dự án giảm thiểu tác động biến đổi khí hậu, Việt Nam cần có giải pháp và sự phối hợp đa tầng, đa dạng công cụ, cụ thể hóa và minh bạch chính sách và triển khai ưu đãi để thu hút các nhà đầu tư.
- Thủ tướng Chính phủ vừa ban hành Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 4 tháng 7 năm 2025 về “Quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh” sau một thời gian dài chờ đợi. Chúng tôi cho rằng quy định mới này sẽ mở đường cho làn sóng đầu tư bền vững tại Việt Nam bao gồm tín dụng xanh và trái phiếu xanh. Chúng tôi sẽ có Báo cáo Bình luận chi tiết về tác động của quy định mới này. Quý vị có thể xem chi tiết [tại đây](#).

Nội dung

- 01** Tóm lược báo cáo
- 02** | **Yếu tố Vĩ mô và Quy định Pháp lý mới**
- 03** Cập nhật Giao dịch Thị trường
- 04** Tâm điểm Tài chính Bền vững
- 05** Phụ lục

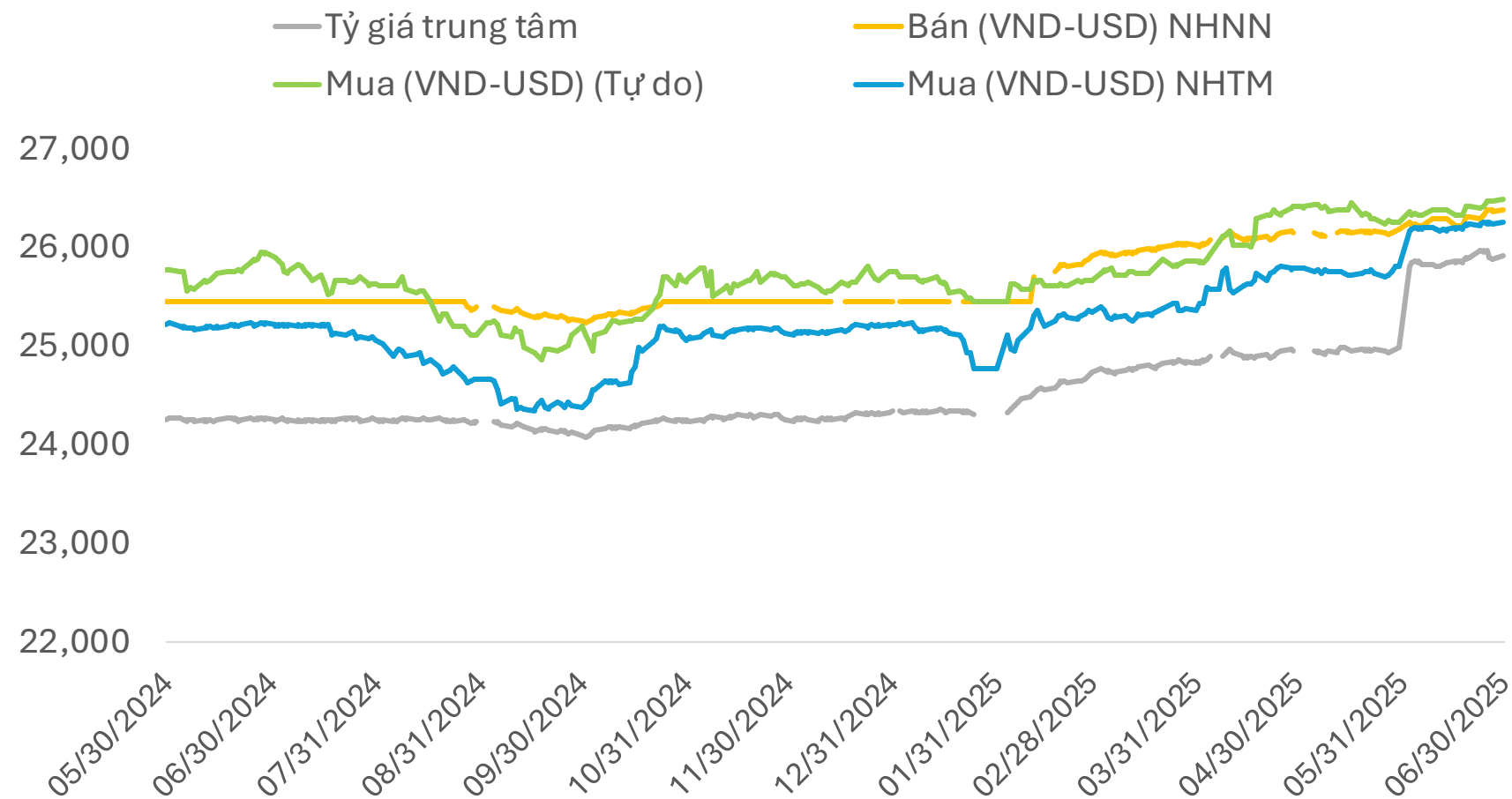


Biểu 01: Tăng trưởng Tín dụng vs. Tăng trưởng Huy động hàng quý


Nguồn: FiinProX

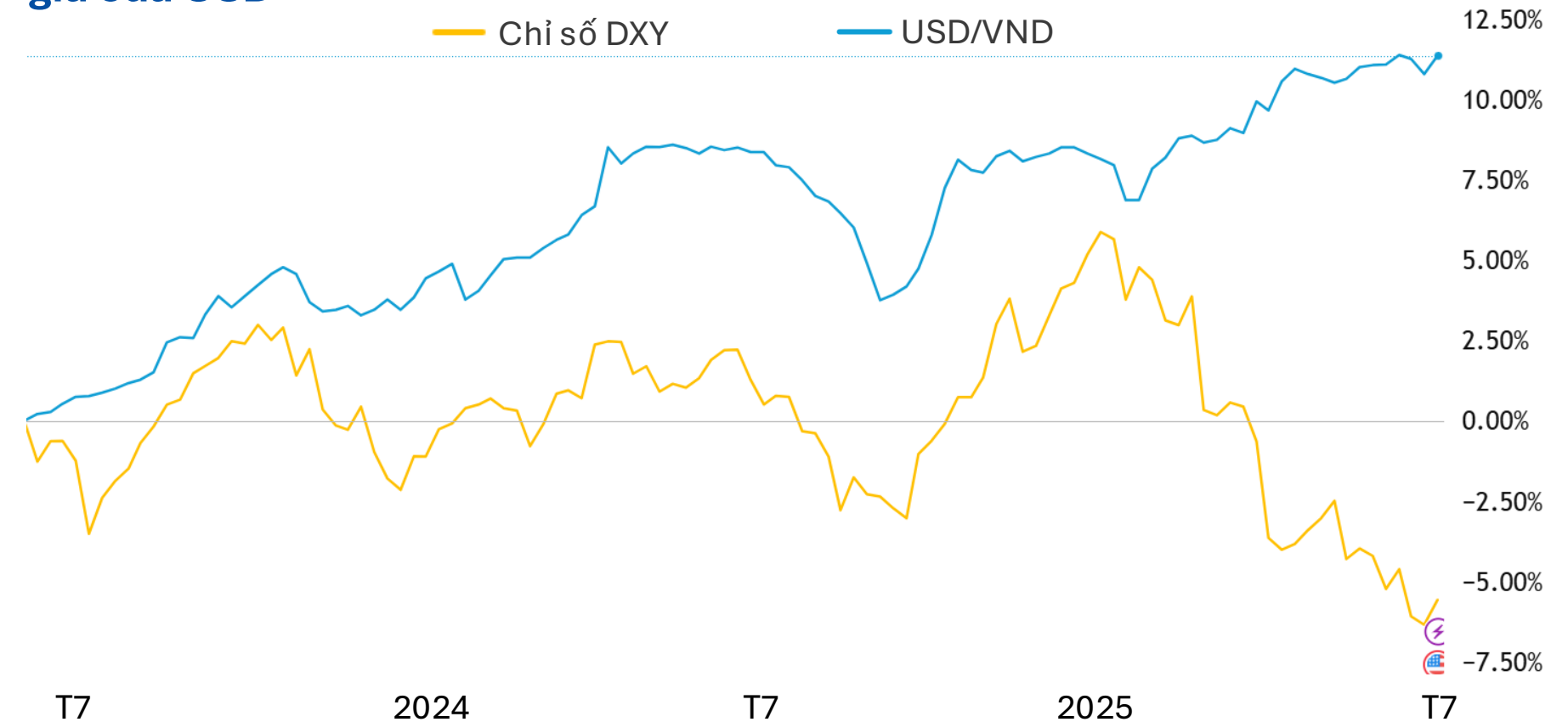
- Trong 6 tháng đầu năm, tốc độ tăng trưởng huy động vốn của các ngân hàng đạt +6,57% so với cuối năm 2024, thấp hơn đáng kể so với mức tăng trưởng tín dụng +9,9% so với cuối năm và +19,4% so với cùng kỳ năm trước. Lý do là cho tăng trưởng huy động tiền gửi chậm lại một phần do chủ trương giữ lãi suất huy động thấp trong khi NHTM vẫn phải duy trì đảm bảo tỷ lệ LDR và Hệ số Sử dụng vốn Ngắn hạn cho Vay trung - dài hạn.
- Hơn nữa, nhằm đáp ứng nhu cầu tăng trưởng tín dụng cao trong bối cảnh nới lỏng tiền tệ nhằm hỗ trợ tăng trưởng, nhiều NHTM đã có kế hoạch tăng vốn cổ phần và chào bán chiến lược. Tuy nhiên, hoạt động trên đòi hỏi nhiều thời gian, dẫn đến kênh trái phiếu ngân hàng trong thời gian qua được đẩy mạnh để hưởng lợi từ bối cảnh lãi suất huy động thấp và ổn định hiện nay. Chúng tôi đánh giá điều này cấp thiết bởi Hệ số An toàn vốn của toàn ngành hiện ở mức khá thấp (12,5% vào cuối 2024).
- Ngoài ra, ngân hàng hiện vẫn là nhóm nhà đầu tư chủ lực trên thị trường TPDN, qua đó gián tiếp đáp ứng nhu cầu vốn đang tăng cao của khối doanh nghiệp phi ngân hàng, đặc biệt phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Về phía doanh nghiệp phát hành, môi trường lãi suất trong nước thấp như hiện tại làm tăng tính hấp dẫn của kênh huy động vốn TPDN, thay vì lựa chọn vay dài hạn bằng ngoại tệ để tài trợ các dự án có nhu cầu CAPEX lớn.

Biểu 02: Tỷ giá USD/VND



Nguồn: FiinPro

Biểu 03: Diễn biến tỷ giá của USD/VND đi ngược lại so với xu hướng giảm giá của USD



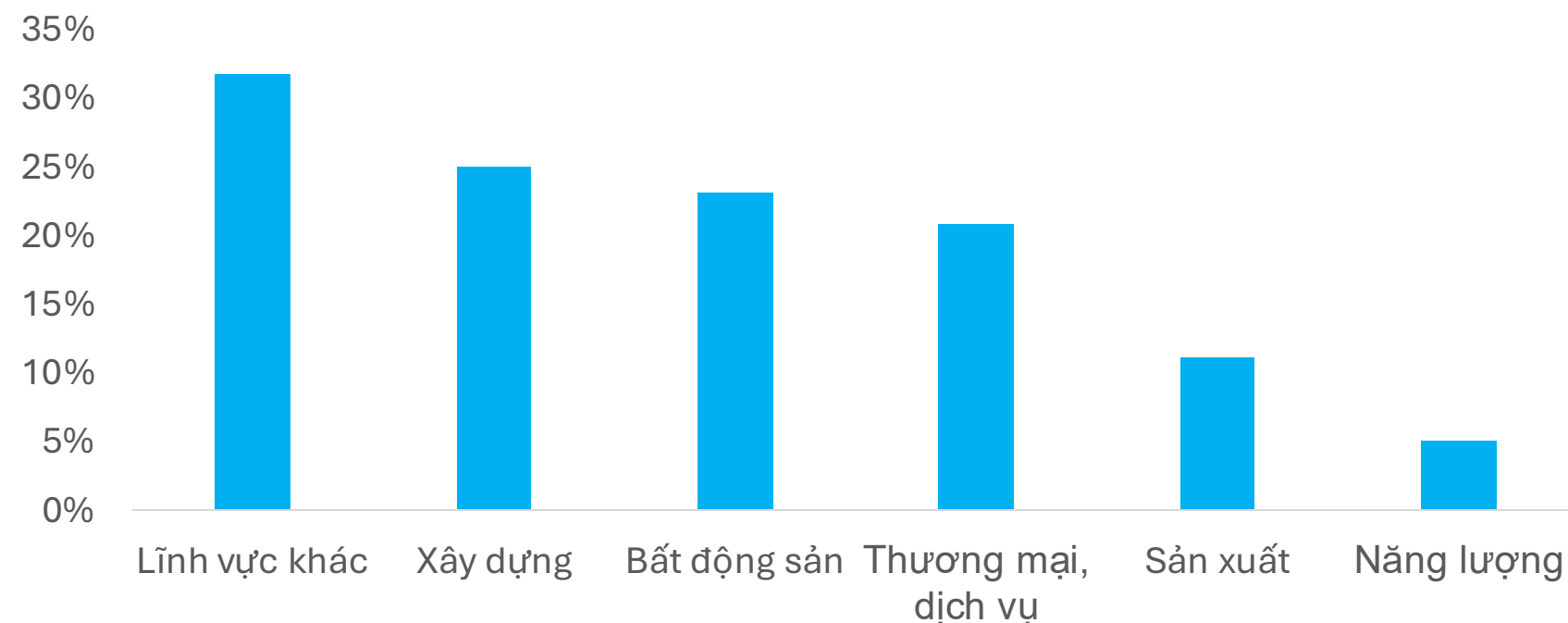
Nguồn: Tradingview

- Tỷ giá trung tâm tại cuối tháng 6 lên mức cao kỷ lục 26.300 đồng, tăng bất chấp việc đồng USD đã giảm mạnh từ đầu năm đến nay. Môi trường lãi suất thấp và sự dư dả của thị trường sau khi NHNN liên tục cung ứng thanh khoản OMO đã củng cố cho đà tăng này, cùng với việc KBNN tiếp tục gửi 1 lượng lớn tiền gửi vào hệ thống ngân hàng do giải ngân đầu tư công diễn ra chậm. Dự trữ ngoại hối tại cuối T2/2025 ở mức 79 tỷ USD (theo dữ liệu từ CEIC) khiến NHNN khó khăn hơn trong việc kiểm soát tỷ giá, do đó áp lực tỷ giá có thể duy trì trong thời gian tới và ảnh hưởng đến hoạt động huy động vốn ngoại tệ của DN Việt Nam.
- Trước tình hình tỷ giá, NHNN phát hành tín phiếu trở lại sau 3 tháng tạm dừng, nhằm hút dư thừa thanh khoản trên thị trường. Theo ước tính, 3.100 tỷ đồng tín phiếu được phát hành với kỳ hạn 7 ngày với lãi suất 3,5%/năm. Tuy nhiên, tình trạng thiếu hụt thanh khoản ngắn hạn đã diễn ra trong tuần cuối tháng, dẫn đến việc NHNN bơm ròng kỷ lục 123,1 nghìn tỷ chỉ trong 7 ngày cho 21 thành viên thị trường tham gia. Tại cuối tháng 6, giá trị OMO lưu hành đạt 143,2 nghìn tỷ. Lãi suất LNH ở các kỳ hạn dưới 3 tháng tăng lên mức 5,15 – 6,45%.

Biểu 04: Quy định mới: Nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu không quá 5x

Quy định mới	Hình thức phát hành TPDN	Nội dung
Điều 128 Luật Doanh nghiệp 2020 được điều chỉnh tại Luật sửa đổi số 76/2025/QH15	Riêng lẻ	TCPH có hệ số nợ phải trả (bao gồm cả giá trị TPDN dự kiến phát hành) trên vốn chủ sở hữu không quá 5 lần tại BCTC năm liền kề.

Biểu 05: Tỷ lệ nhà phát hành TPDN có Hệ số Nợ phải trả/VCSH lớn hơn 5 lần theo ngành



Nguồn: FiinRatings. Dữ liệu từ BCTC của 260 nhà phát hành có dư nợ TPDN tại ngày 30/06/2025. Số liệu trên chưa tính giá trị TPDN dự kiến phát hành, nếu có.

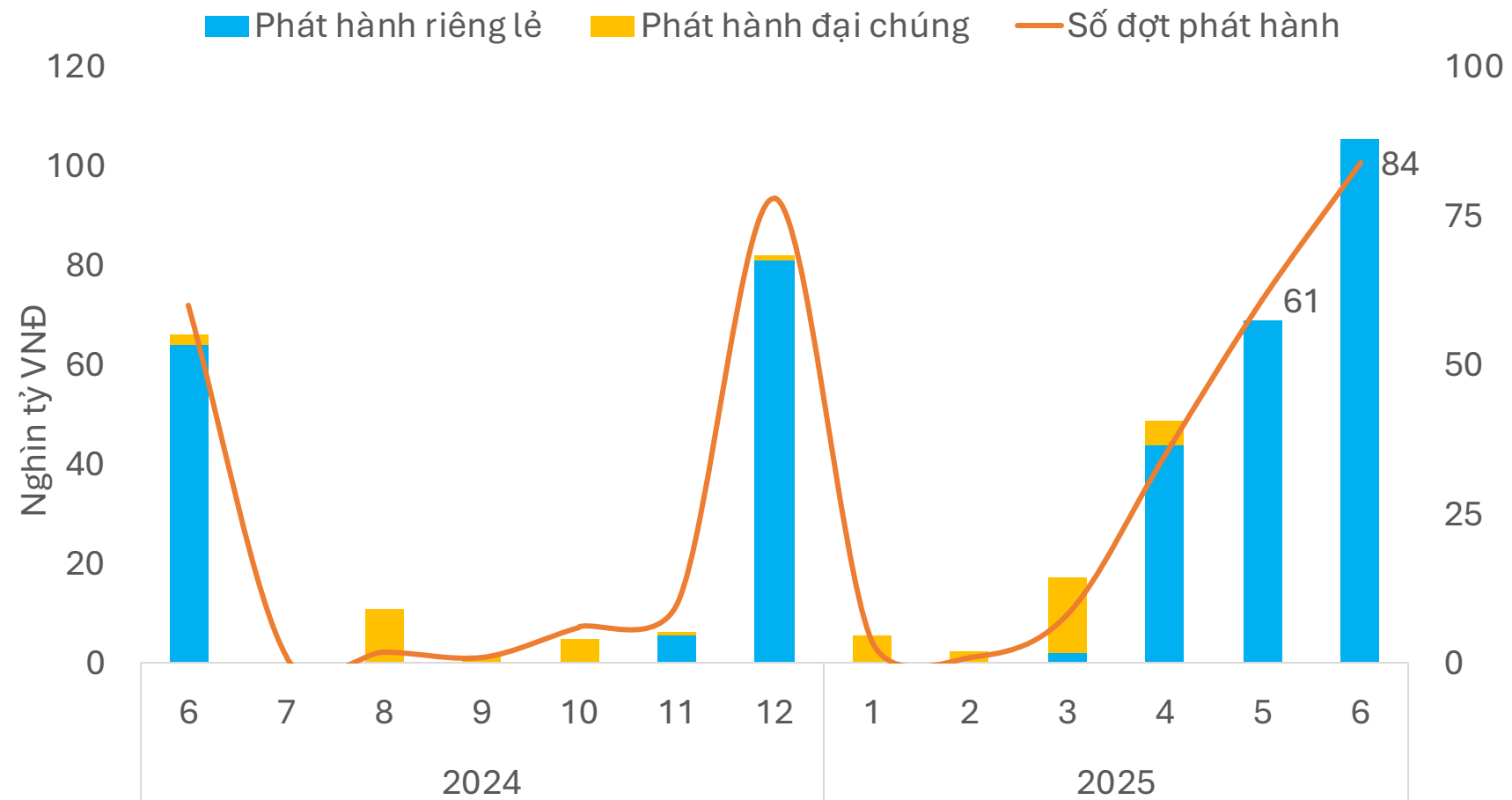
- Quy định mới mang hướng thắt chặt về điều kiện tài chính của nhà phát hành trái phiếu nhưng sẽ ít có ảnh hưởng đáng kể đến nguồn cung TPDN phát hành riêng lẻ:** Việc áp dụng hệ số nợ phải trả trên VCSH không quá 5 lần được chúng tôi đánh giá đã có sự nới lỏng so với dự thảo trước đó. Với một số ngành có đòn bẩy tài chính cao như như bất động sản, xây dựng, thương mại & dịch vụ (du lịch & giải trí, hàng không...) và năng lượng, tỷ lệ các TCPH trên thị trường vượt ngưỡng quy định chỉ trong khoảng 5-25% theo ngành, chủ yếu là các TCPH có cấu phần phát hành nhỏ trên thị trường.
- Do đó, chúng tôi đánh giá thị trường TPDN riêng lẻ vẫn sẽ duy trì được sức hấp dẫn đến các nhóm ngành có nhu cầu vốn cao và dài hạn, cần huy động qua kênh TPDN và giảm sự phụ thuộc vào vốn vay ngân hàng. Quy định hệ số nợ mới sẽ góp phần tăng chất lượng hàng hóa TPDN cho thị trường qua việc hạn chế những công ty dự án, mới thành lập và có mức độ đòn bẩy cao thực hiện huy động vốn ra thị trường.
- Với quy định mới này kênh chào bán rộng rãi ra công chúng, kênh công chúng được kỳ vọng sẽ dần khởi sắc trở lại** trong nửa cuối 2025. Trước đó, Luật Chứng khoán sửa đổi 2024 đã yêu cầu phải có XHTN và Tàn sản bảo đảm/ Bảo lãnh thanh toán khi TPDN riêng lẻ chào bán cho nhà đầu tư cá nhân chuyên nghiệp cùng với một số điều kiện khác.

Nội dung

- 01** Tóm lược báo cáo
- 02** Yếu tố Vĩ mô và Quy định Pháp lý mới
- 03** | Cập nhật Giao dịch Thị trường
- 04** Tâm điểm Tài chính Bền vững
- 05** Phụ lục

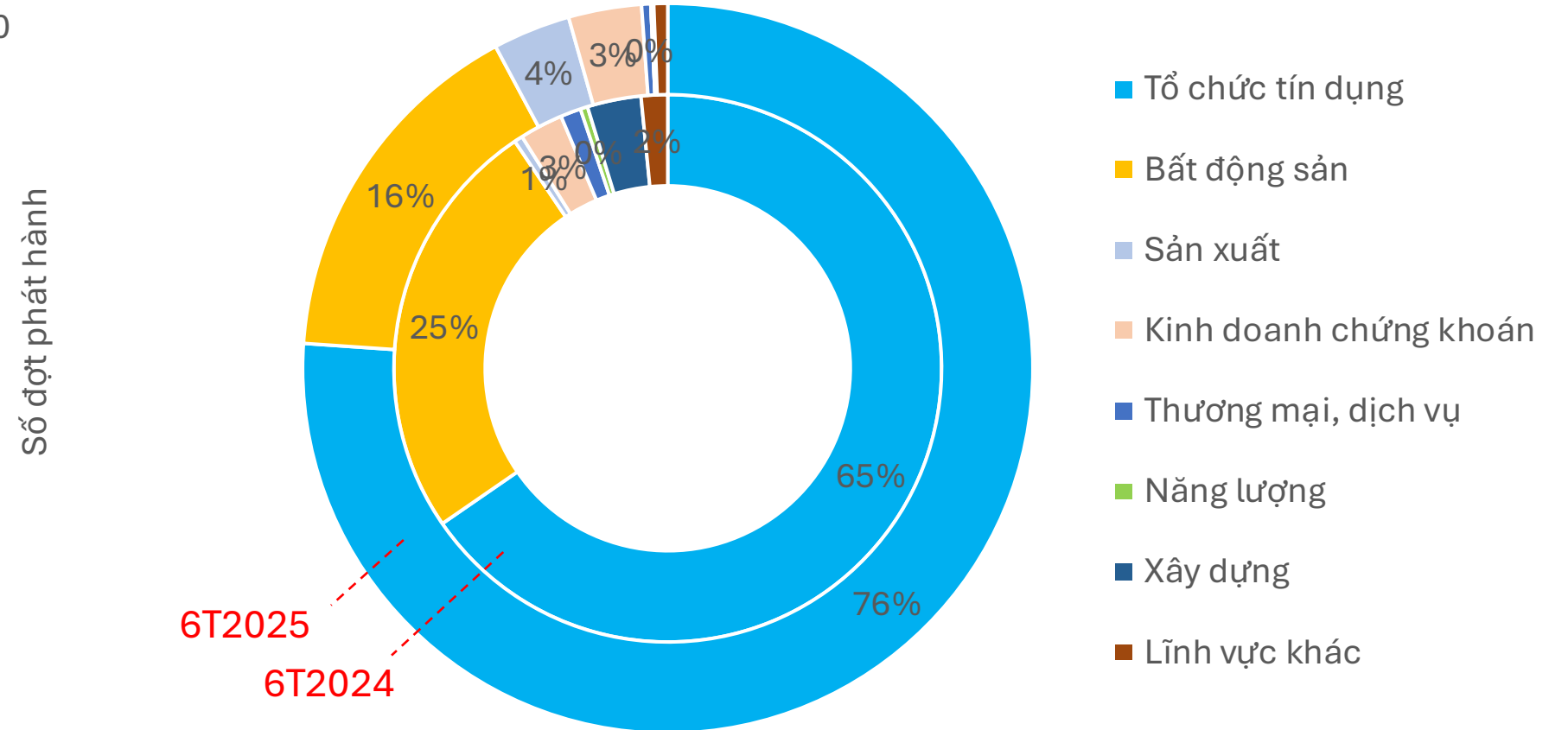


Biểu 06: Tình hình phát hành thị trường sơ cấp hàng tháng



Nguồn: FiinRatings. Ghi chú: Dữ liệu lấy tại thời điểm 03/07/2025

Biểu 07: Cơ cấu phát hành TPDN trong 6 tháng 2025

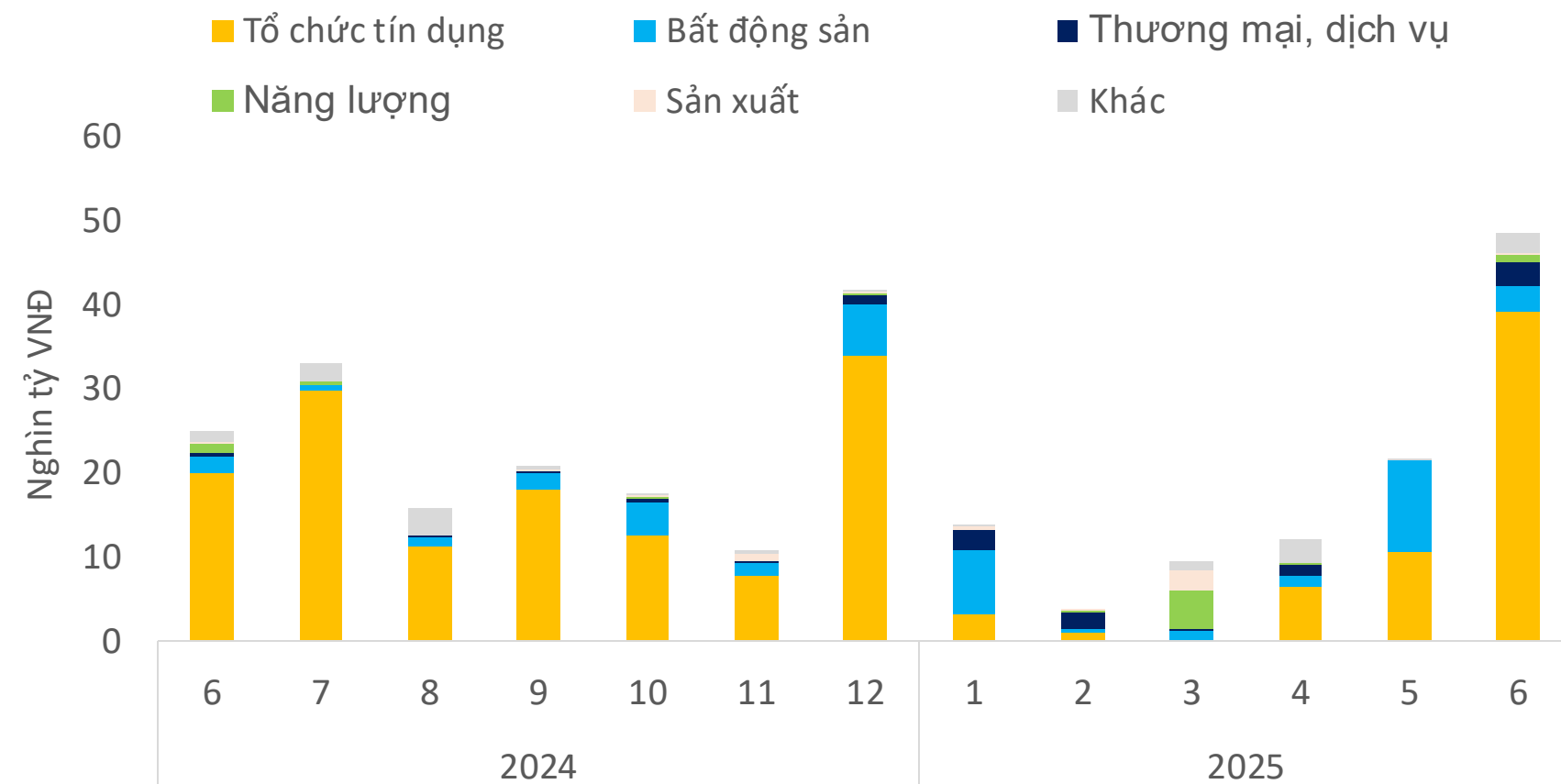


Nguồn: FiinRatings. Ghi chú: Dữ liệu lấy tại thời điểm 03/07/2025

- Giá trị phát hành tăng đột biến trong tháng 6 khi đạt 105,5 nghìn tỷ (+52,4% so với tháng trước). Trong đó, phát hành riêng lẻ trong tháng chiếm 100% và không có phát hành ra công chúng. **Tổng kết 6 tháng đầu năm, giá trị phát hành đạt 248,6 nghìn tỷ (+71,2% so với cùng kỳ năm ngoái), phát hành riêng lẻ chiếm 88,8% (+72,4% so với cùng kỳ), phát hành ra công chúng chiếm 11,2% (+62,3% so với cùng kỳ).**
- Về lãi suất phát hành, TCTD phát hành trung bình khoảng 5,5%, nhóm phi ngân hàng là 9,8%. Kỳ hạn bình quân lần lượt là 3,6 năm và 2,4 năm. Tổng kết 6 tháng, TCTD phát hành với LS trung bình 5,5% trong 3,7 năm, DN phi ngân hàng trung bình 9,9% trong 3,4 năm.

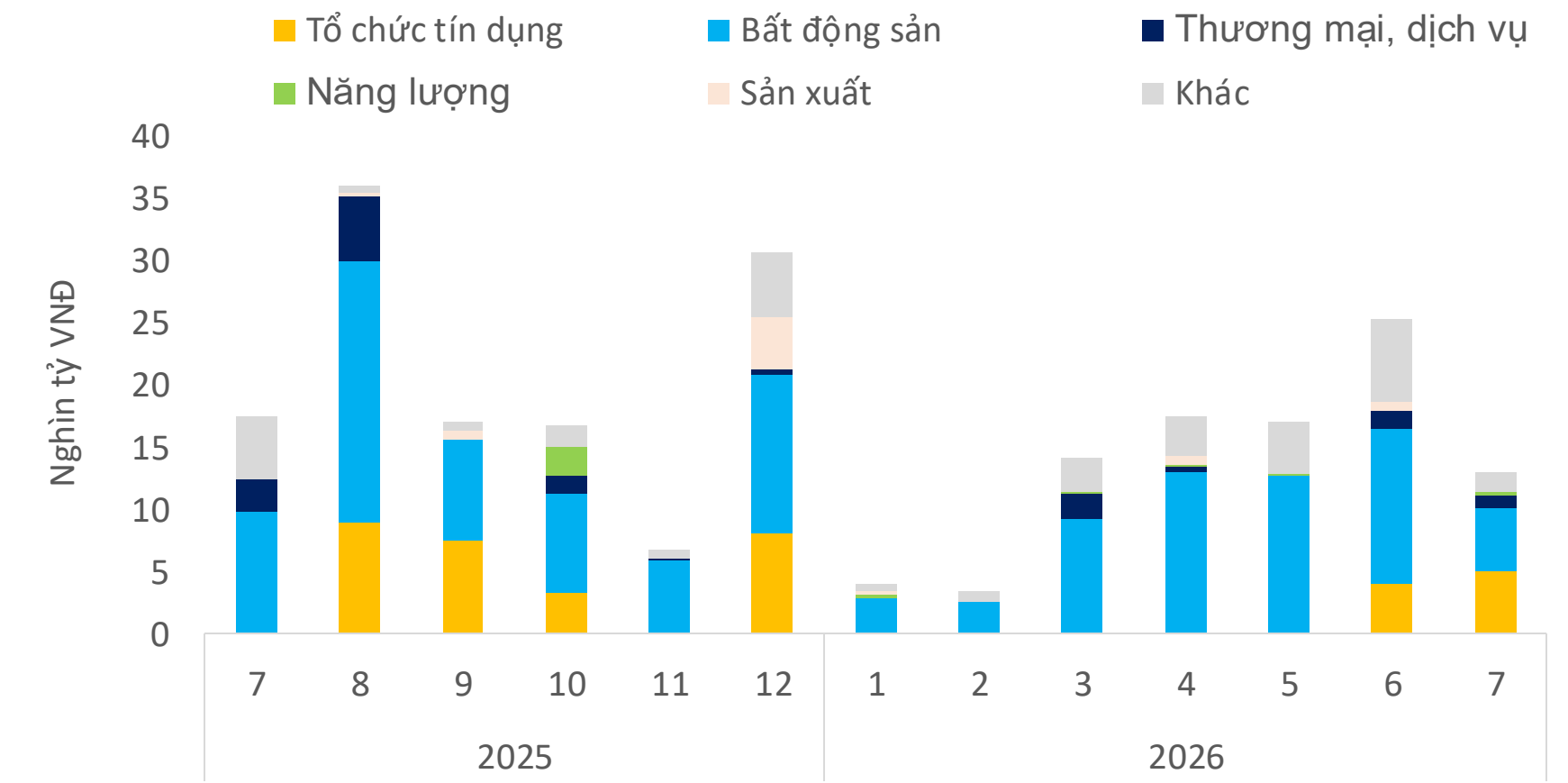
- Xét cơ cấu phát hành trong tháng, tổ chức tín dụng vẫn là nhóm ngành phát hành chính, chiếm tới 83,2% tổng giá trị.** Trong tháng 5 và 6, các ngân hàng đã tận dụng môi trường lãi suất thấp để tăng cường phát hành ở tất cả các kỳ hạn. Trong bối cảnh tín dụng tăng nhanh (+8,3%) hơn huy động (+6,1%), động thái này nhằm cân đối thanh khoản và cải thiện các tỷ lệ an toàn vốn, cũng là yếu tố giúp thị trường sôi động hơn trong nửa đầu năm.
- Tổng kết 6 tháng 2025, 76% giá trị phát hành đến từ tổ chức tín dụng. Cơ cấu của Nhóm DN phi tài chính giảm xuống chiếm 24% tổng giá trị phát hành, song giá trị phát hành vẫn có sự phục hồi (+17,1% so với cùng kỳ năm ngoái).

Biểu 08: Giá trị mua lại trái phiếu trong tháng 6/2025



Nguồn: FiinRatings. Ghi chú: Dữ liệu lấy tại thời điểm 03/07/2025

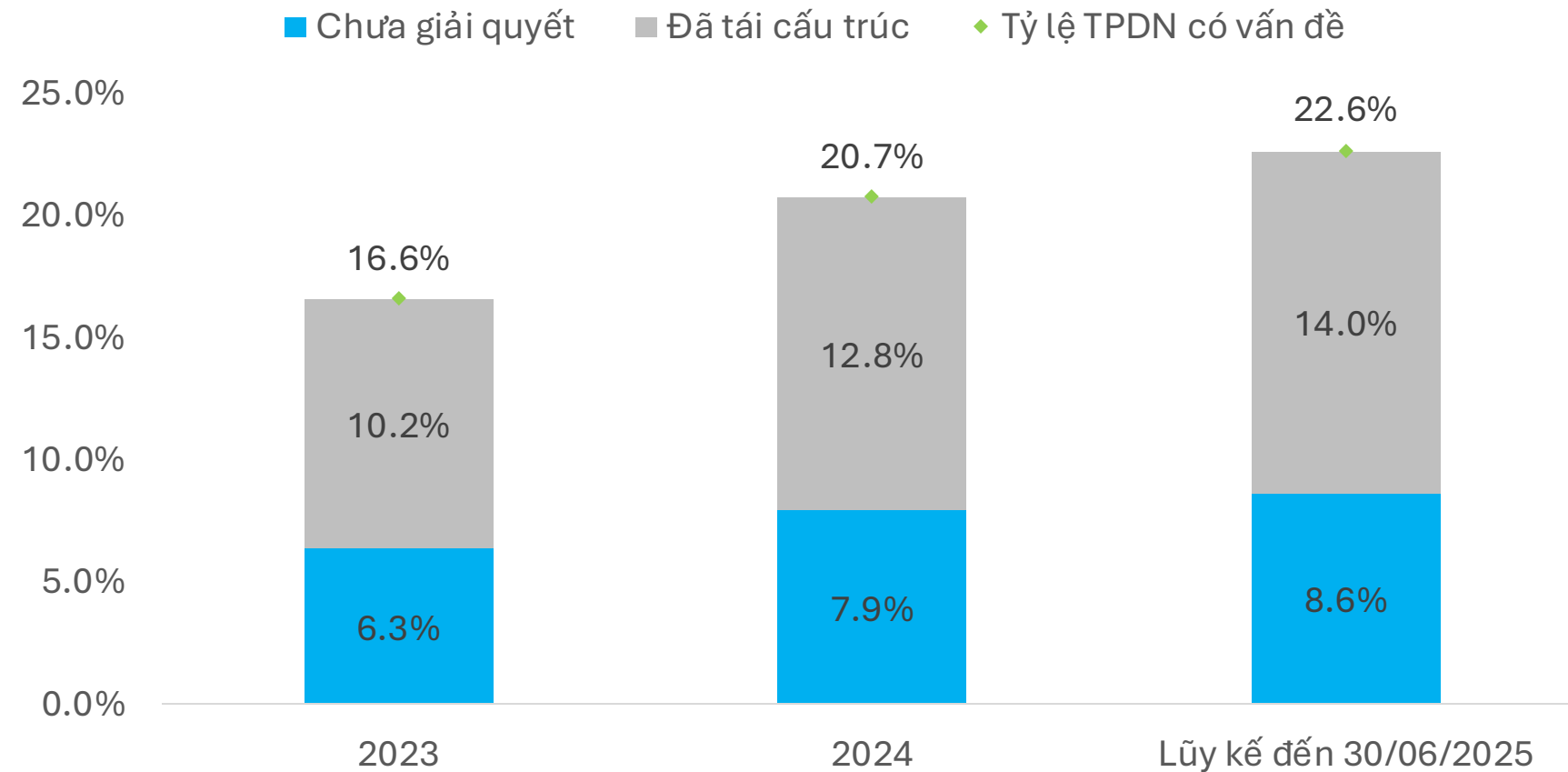
Biểu 09: Phân kỳ đáo hạn trong năm 2025



Nguồn: FiinRatings. Ghi chú: Dữ liệu lấy tại thời điểm 03/07/2025

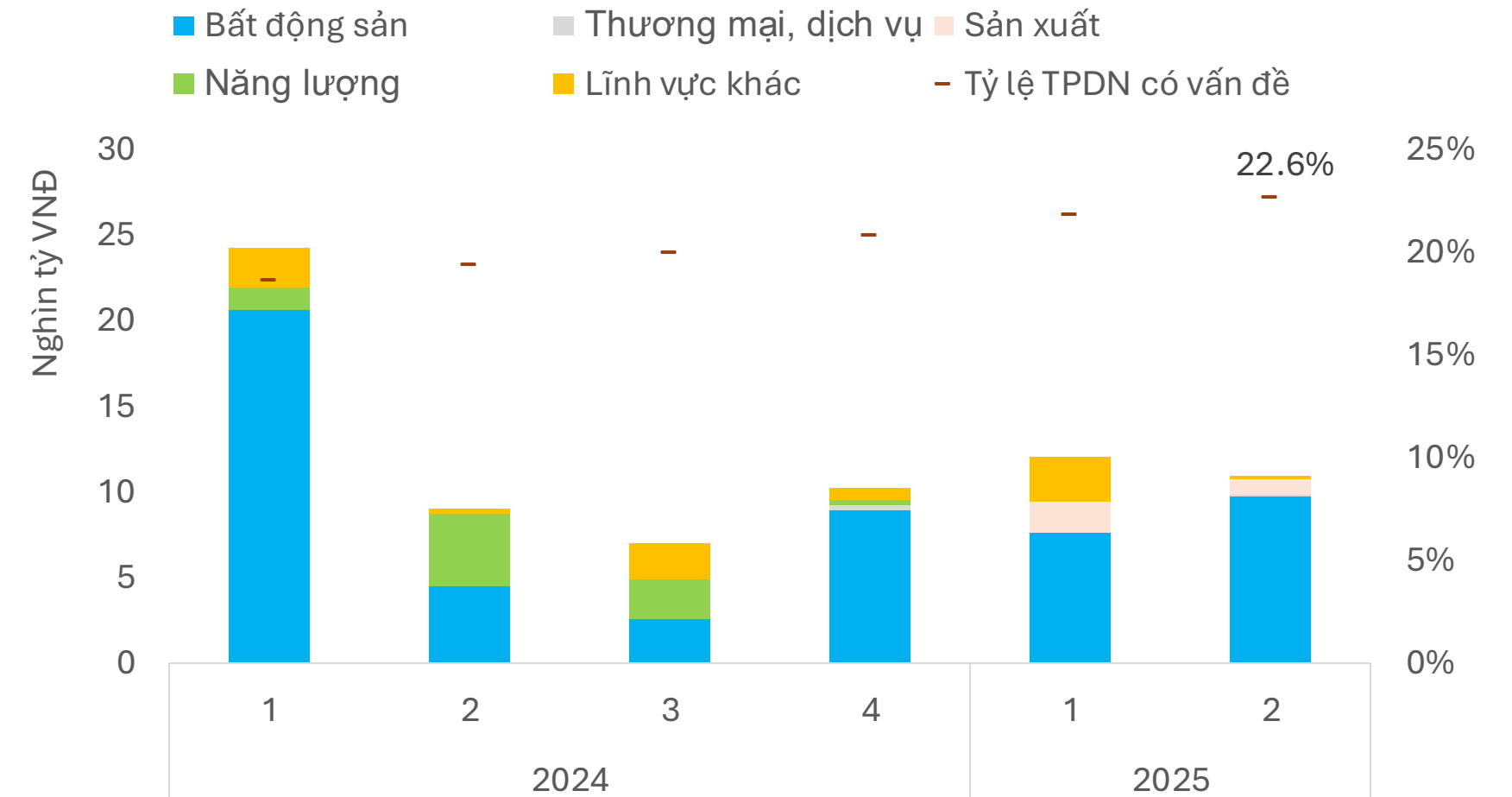
- Hoạt động mua lại của thị trường trong tháng 6/2025 diễn ra sôi động, đạt 48,7 nghìn tỷ (gấp 1,2 lần so với tháng trước và +91,5% so với cùng kỳ năm ngoái). Trong đó, động lực mua lại chủ yếu đến từ doanh nghiệp nhóm TCTD (80,5%), Bất động sản (6,0%). Tổng kết 6 tháng 2025, giá trị mua lại của TCPH đạt 110 nghìn tỷ (+42,7% so với cùng kỳ năm ngoái), chủ yếu là nhóm TCTD (55,0%) và Bất động sản (22,1%).
- Trong 6 tháng cuối, giá trị đáo hạn đạt 125,0 nghìn tỷ, với cơ cấu đáo hạn chính gồm BĐS (53%), TCTD (22,4%), Thương mại dịch vụ (8%). Dự kiến áp lực trả nợ sẽ gia tăng trong nửa cuối 2025 và năm 2026 do đây là điểm đáo hạn mới của đa số DN gia hạn trái phiếu theo Nghị định 08 trước đó.

Biểu 10: Tình hình thanh toán của TCPH



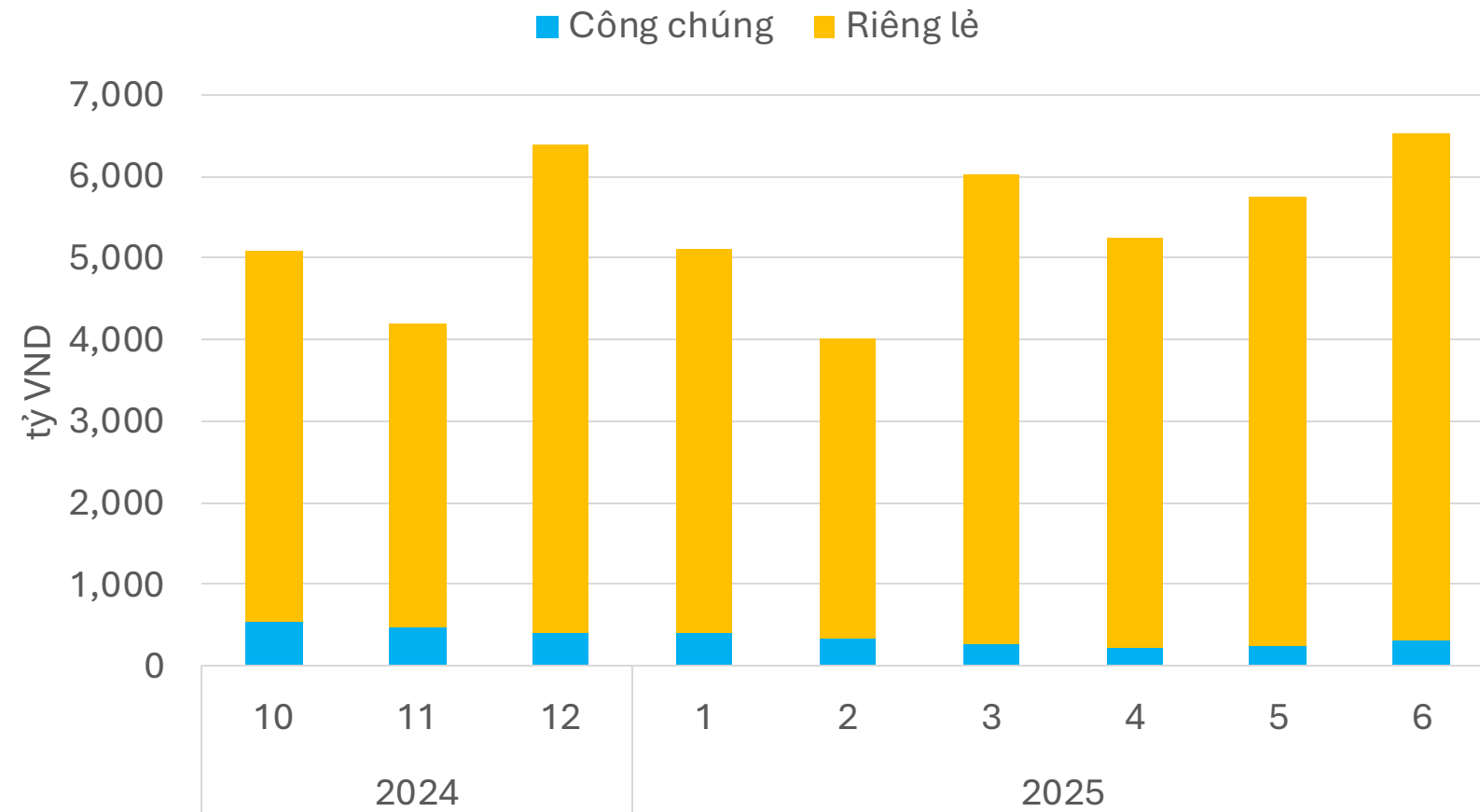
Nguồn: FiinRatings. Ghi chú: Dữ liệu lấy tại thời điểm 03/07/2025

Biểu 11: Giá trị TPDN có vấn đề theo phân ngành

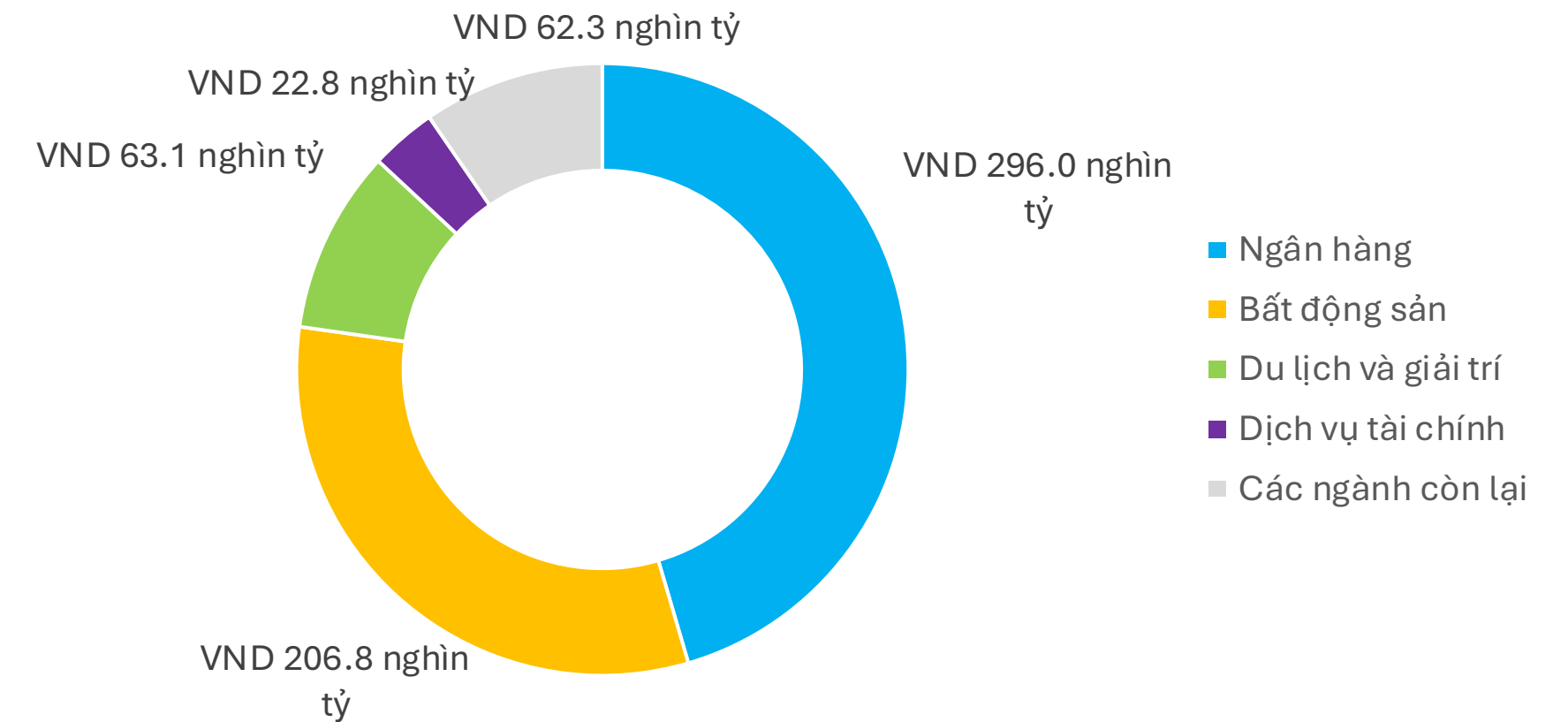


Nguồn: FiinRatings. Ghi chú: Dữ liệu lấy tại thời điểm 03/07/2025

- Thị trường trong tháng 6 ghi nhận thêm 4,5 nghìn tỷ TPDN có vấn đề từ các doanh nghiệp, nâng tổng giá trị này lên 23 nghìn tỷ trong 6 tháng đầu năm (-31,0% so với cùng kỳ năm ngoái). Trong đó, 45,8% giá trị TPDN có vấn đề đến từ nhóm ngành Bất động sản, 16,4% từ ngành Sản xuất, 8,7% từ ngành Xây dựng và 28,6% còn lại đến từ các lĩnh vực khác. Đáng chú ý, nhiều doanh nghiệp có TPDN vấn đề trong tháng 6 có sức khỏe tín dụng yếu đi trong nhiều năm và đã xảy ra tình trạng chậm trả/giãn hoãn từ trước, hoặc cùng trong hệ sinh thái với các TCPH có TPDN vấn đề trước đó.
- Hưởng lợi từ quy định pháp lý tháo gỡ và bảng giá đất hoàn chỉnh, các DN ngành BĐS thể hiện dấu hiệu phục hồi tình hình kinh doanh và có nhiều động thái tích cực trong việc xử lý trái phiếu đã vi phạm/giãn hoãn. Bên cạnh đó, vẫn có một số lô trái phiếu ghi nhận tình trạng tái chậm trả gốc/lãi trong 6 tháng đầu năm do DN chưa kịp phục hồi thanh khoản để thanh toán cho trái chủ. Trong các tháng cuối năm, chúng tôi kỳ vọng hoạt động chậm trả và giãn hoãn vẫn sẽ tiếp diễn, song giá trị sẽ thấp hơn giai đoạn đỉnh các năm trước.

Biểu 12: Thanh khoản trung bình ngày trên thị trường thứ cấp 9 tháng từ 10/2024-06/2025


Nguồn: FiinProX

Biểu 13: Cơ cấu giao dịch thị trường thứ cấp 6 tháng đầu năm 2025


Nguồn: FiinProX

- Trong tháng 6 năm 2025, tổng giá trị giao dịch trái phiếu (cả TP phát hành ra công chúng và TP riêng lẻ) đạt gần 137,1 nghìn tỷ VND, tăng khoảng 19% so với khối lượng của tháng 05/2025. Giá trị giao dịch trung bình tăng 13,4% so với tháng trước, ở mức 6,53 nghìn tỷ/ngày, cao nhất kể từ đầu năm nay.
- Tổng thể, thanh khoản giao dịch trong 6T/2025 đạt hơn 651 nghìn tỷ, cao hơn 13,2% so với 6T/2024.

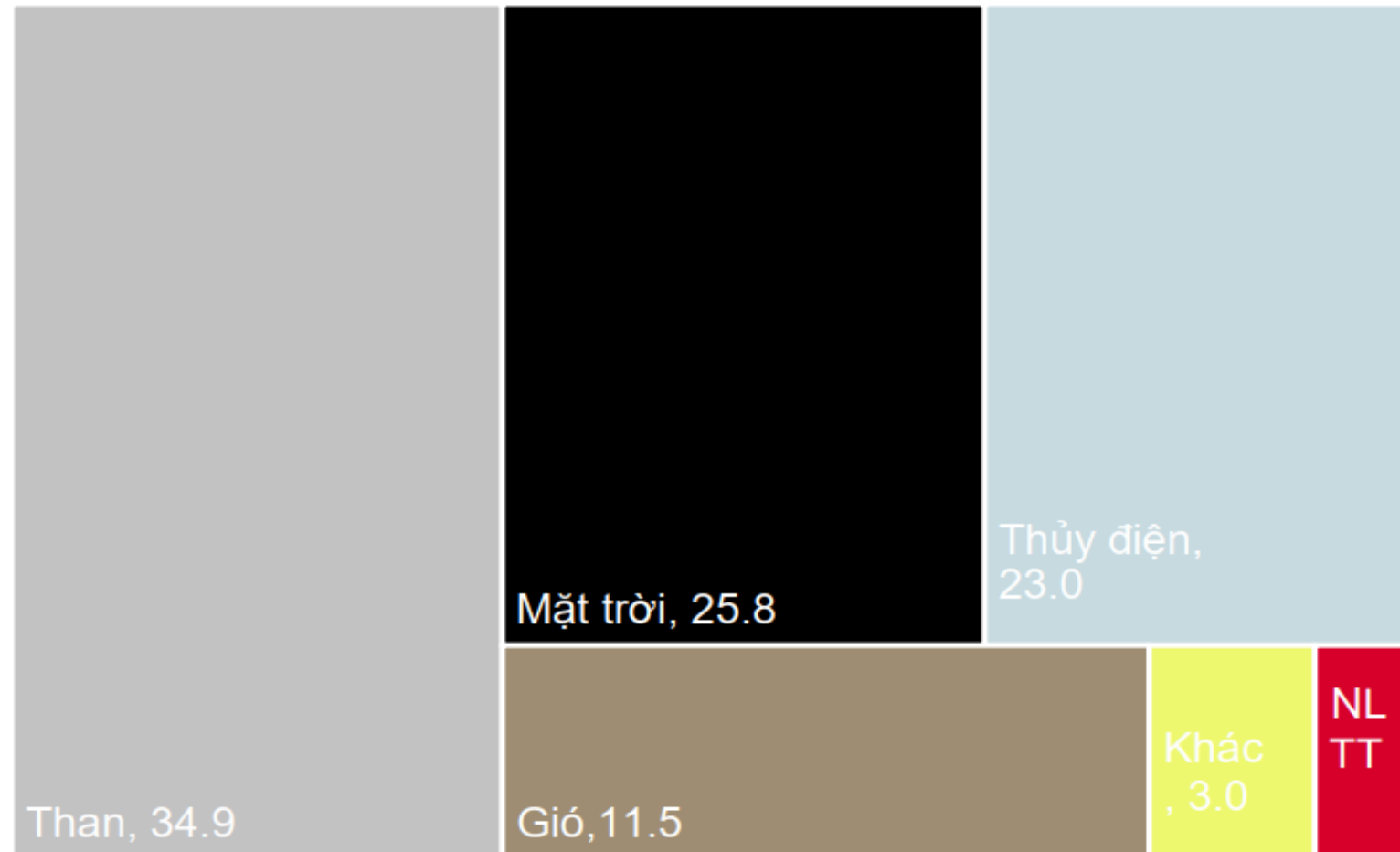
- Nhóm ngành Ngân hàng và Bất động sản vẫn chiếm phần lớn giá trị giao dịch trong 6 tháng đầu năm, với lần lượt tỉ trọng đạt 45,5% và 31,8%. Tổng giá trị giao dịch của nhóm ngân hàng không thay đổi đáng kể so với 6T/2024, tuy nhiên nhóm BĐS đã có sự sôi động hơn với thanh khoản tăng 37,6%.
- Tính riêng tháng 6/2025, TP Ngân hàng chứng kiến mức giao dịch giảm 11% so với tháng trước nhưng vẫn dẫn đầu về tỷ trọng (41,1%), đạt hơn 56,3 nghìn tỷ. Trong khi đó giá trị giao dịch của TPDN Bất động sản tăng trở lại đáng kể, hơn 26% (chiếm 29,6% tổng giao dịch tháng), đạt khoảng hơn 40,5 nghìn tỷ.

Nội dung

- 01** Tóm lược báo cáo
- 02** Yếu tố Vĩ mô và Quy định Pháp lý mới
- 03** Cập nhật Giao dịch Thị trường
- 04** | Tâm điểm Tài chính Bền vững
- 05** Phụ lục

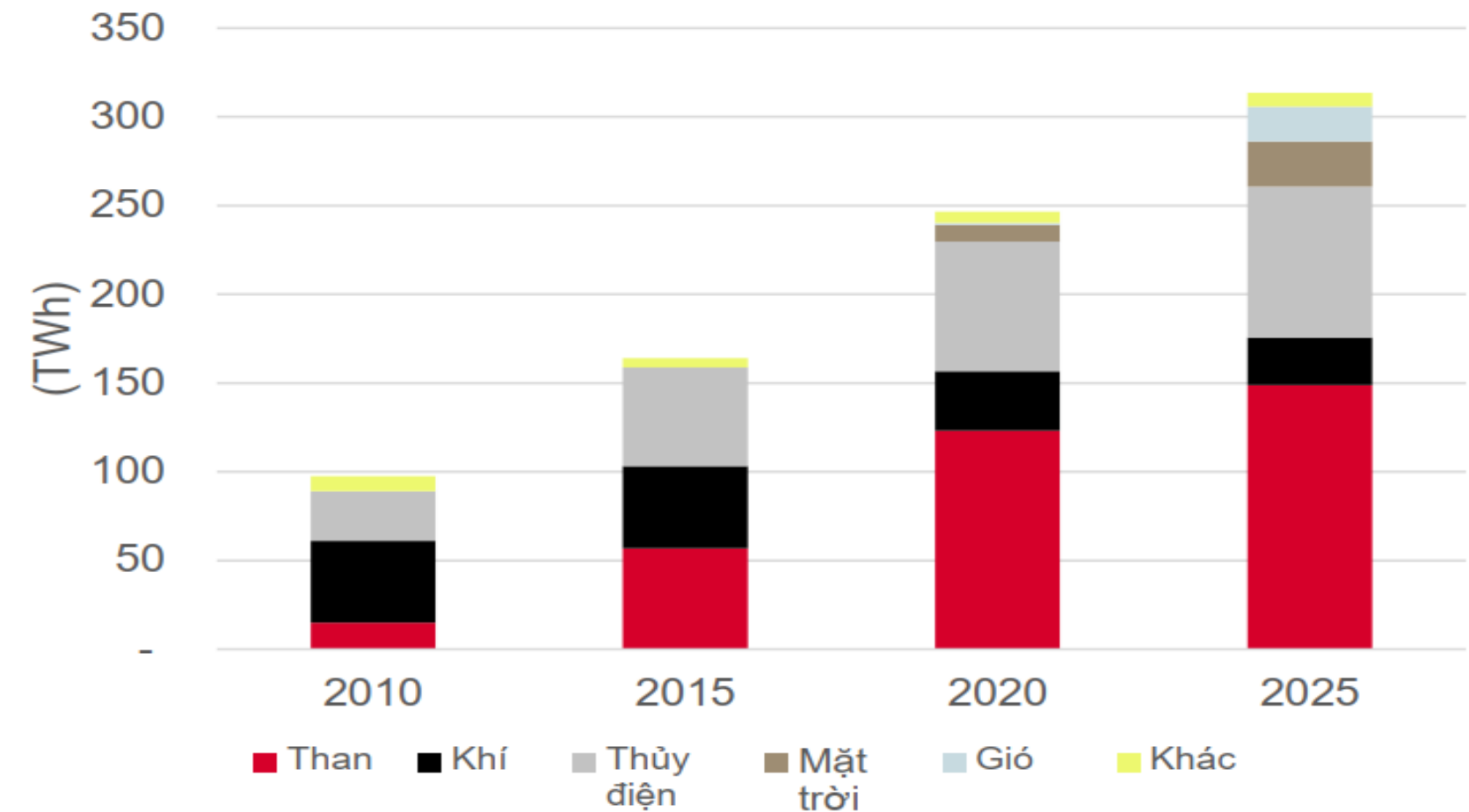


Biểu 14: Nhu cầu NLTT tăng nhưng cơ cấu phát điện vẫn phụ thuộc vào nguồn phát thải các-bon lớn



Nguồn: S&P Global. Tỷ lệ bổ sung công suất theo loại nhiên liệu tại Việt Nam giai đoạn 2010–2025 (tính theo % tổng công suất bổ sung)

Biểu 15: Quy mô phát điện theo nguồn từ 2010-2025



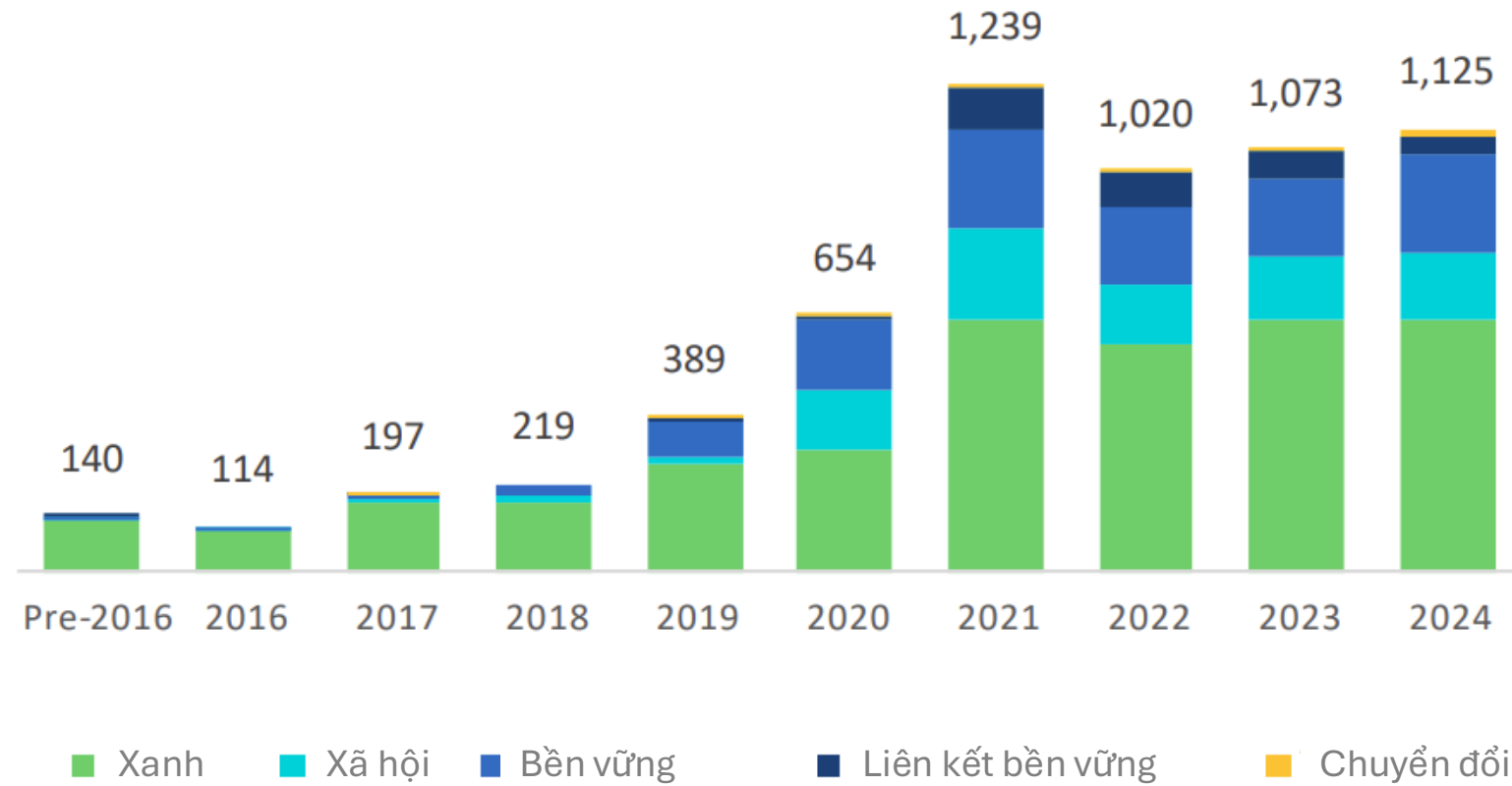
Nguồn: S&P Global

- Theo chuyên gia từ S&P Global, Việt Nam đang phải đối mặt với nghịch lý: dù đã bổ sung 60% năng lượng tái tạo trong giai đoạn 2010-2025, nhưng do nhu cầu điện tăng 8% mỗi năm, khiến sản lượng điện than vẫn tăng gấp đôi. Việt Nam tiếp tục phụ thuộc nhiều vào nhiên liệu hóa thạch với cường độ phát thải các-bon cao (khoảng 600 gam CO₂/kWh, đứng thứ ba khu vực châu Á-Thái Bình Dương).

- Tại khu vực Đông Nam Á, sự mâu thuẫn trong cơ cấu kinh tế và phát thải – ví như nông nghiệp đóng góp 10% GDP nhưng chiếm 30% tổng lượng phát thải, tạo ra 30% việc làm, đặt ra thách thức lớn cho quá trình chuyển đổi xanh, đòi hỏi cách tiếp cận chuyển đổi (transition) thay vì chỉ tập trung vào "xanh" thuần túy, đồng thời cần lưu ý yếu tố xã hội khi các ngành phát thải cao cũng là nguồn tạo việc làm lớn.

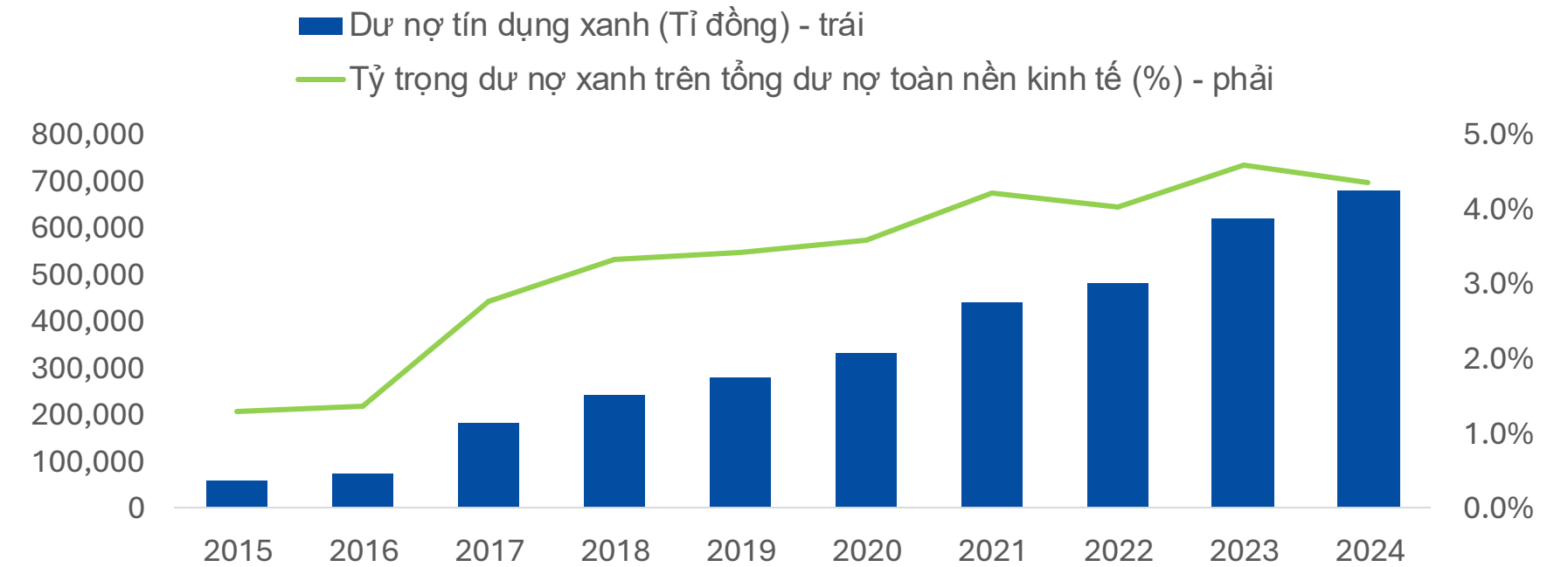
Biểu 16: Giá trị thị trường trái phiếu bền vững dán nhãn trên toàn cầu

USD bn



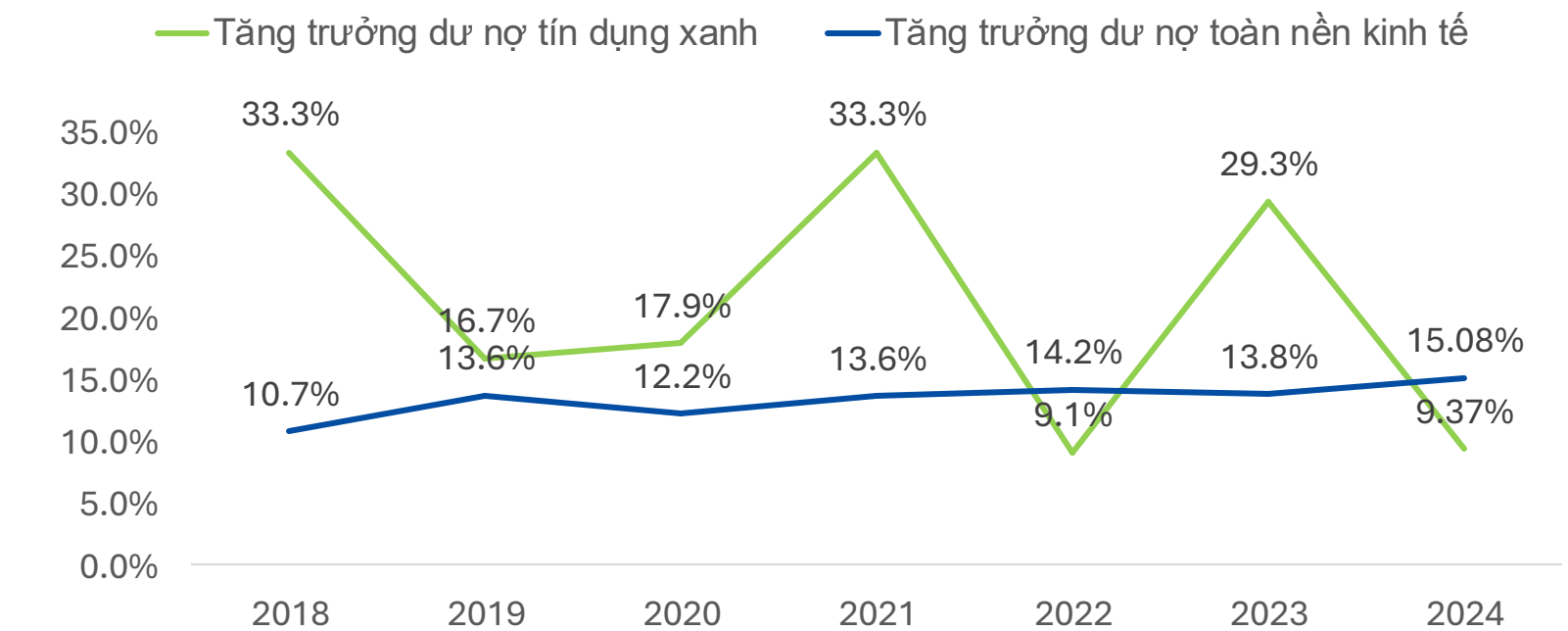
Nguồn: Ngân hàng Thế giới - dựa trên dữ liệu từ Bloomberg Terminal

Biểu 17: Dự nợ tín dụng xanh Việt Nam



Nguồn: Nguồn: FiinRatings tổng hợp từ Vụ Tín dụng các ngành kinh tế - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

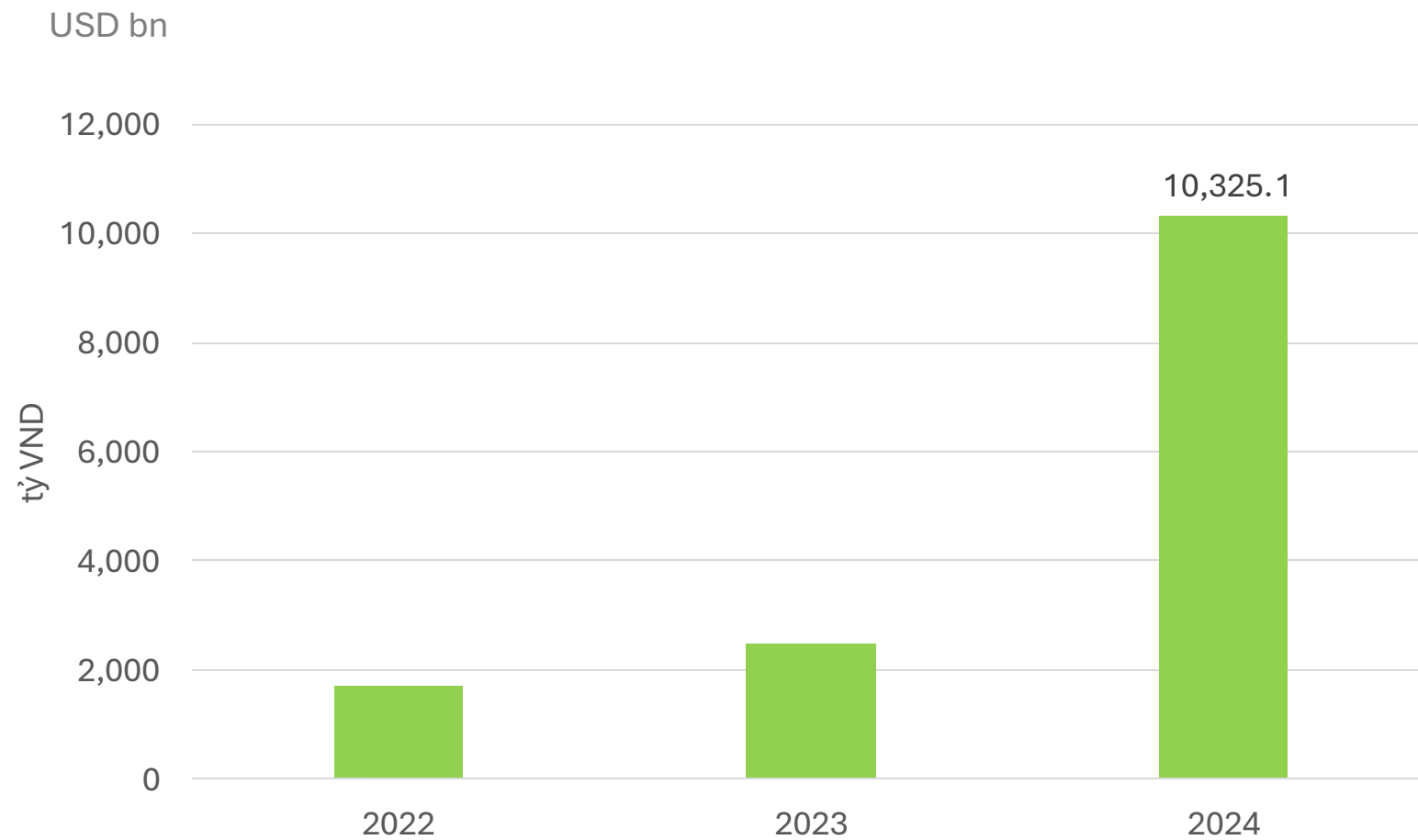
Biểu 18: Tăng trưởng tín dụng xanh vs. tăng trưởng dự nợ nền kinh tế (2018-2023)



Nguồn: FiinRatings tổng hợp

- Thị trường trái phiếu bền vững toàn cầu đã đạt 1,1 nghìn tỷ USD, trong khi tại Việt Nam, thị trường trái phiếu tăng trưởng nhanh đạt quy mô 140 tỷ USD năm 2025, nhưng trái phiếu xanh chỉ chiếm dưới 1%. Nguồn vốn xanh cho nền kinh tế hiện nay chủ yếu đang đến từ phía các ngân hàng, tuy nhiên, kênh huy động này cũng có những hạn chế nhất định.
- Theo ước tính, Việt Nam cần huy động khoảng 68,75 tỷ USD đến năm 2030 cho các dự án xanh, trong đó kì vọng khoảng 64% đến từ nguồn vốn quốc tế. Cơ hội huy động vốn từ thị trường tài chính bền vững mở ra theo hai hướng chính: (1) Công cụ "Use-of-Proceeds" cho các dự án năng lượng tái tạo, lưới điện, giao thông xanh; (2) Công cụ "Sustainability-linked" cho các ngành công nghiệp nặng và năng lượng đang chuyển đổi.

Biểu 19: Giá trị phát hành trái phiếu xanh, xã hội và bền vững (GSS) tại Việt Nam 2022-2024



Nguồn: FiinRatings tổng hợp

- Trong hành trình bước vào "Kỷ nguyên vươn mình", Việt Nam đứng trước nhu cầu huy động nguồn vốn khổng lồ và đa dạng để hiện đại hóa hệ thống cơ sở hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng bền vững. Các lĩnh vực tiềm năng như năng lượng tái tạo, thủy sản bền vững, nông nghiệp thông minh, xử lý môi trường và chuyển đổi xanh cho các ngành khó giảm phát thải đang mở ra không gian phát triển rộng lớn. Xu hướng trái phiếu bền vững không chỉ tạo cơ hội tiếp cận nguồn vốn xanh với chi phí hấp dẫn cho doanh nghiệp, mà còn đóng vai trò then chốt trong việc thúc đẩy quá trình chuyển đổi kinh tế và đạt được các cam kết quốc gia về ứng phó biến đổi khí hậu.
- Để khơi thông dòng vốn trái phiếu bền vững một cách hiệu quả, việc xây dựng hệ sinh thái pháp lý hoàn chỉnh là yếu tố quyết định. Các chuyên gia nhấn mạnh các trụ cột cần thiết gồm: (1) Danh mục Phân loại Xanh chuẩn hóa, (2) Khung pháp lý minh bạch, và (3) Cơ chế ưu đãi để thu hút nhà đầu tư.
- Ngoài ra, để thúc đẩy tài sự phát triển của thị trường tài chính bền vững tại Việt Nam, cần sự có hợp tác toàn diện giữa Ngân hàng, Doanh nghiệp, Chính phủ và các tổ chức quốc tế chuyên nghiệp. Việc đa dạng hóa công cụ tài chính từ trái phiếu xanh truyền thống sang trái phiếu liên kết bền vững, trái phiếu chuyển đổi và khoản vay ESG mở ra cơ hội lớn cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, đặc biệt trong lĩnh vực tài chính tiêu dùng bền vững. Song song với đó, việc nâng cao năng lực cho các bên tham gia và khuyến khích đổi mới sáng tạo trong giải pháp bền vững là những yếu tố then chốt quyết định thành công của thị trường.

Nội dung

- 01** Tóm lược báo cáo
- 02** Yếu tố Vĩ mô và Quy định Pháp lý mới
- 03** Cập nhật Giao dịch Thị trường
- 04** Tâm điểm Tài chính Bền vững
- 05** | Phụ lục



Kế hoạch phát hành Trái phiếu của một số doanh nghiệp đã công bố (Cập nhật ngày 02/07/2025)

Thời gian	Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Giá trị phát hành năm 2025 (tỷ VND)	Giá trị phát hành năm 2026 (tỷ VND)	Kỳ hạn(Năm)	Coupon(%)
07/09/2025	CII425001	Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	2,000	-	10	n/a
08/31/2025	AGRB_TPCC_2025	Agribank	10,000	-	10	n/a
09/30/2025	BVB_TPCC_2024_2025_4	Ngân hàng Bản Việt – BVBank	1,500	-	8	n/a
09/30/2025	HDBC7Y253202	HDBank	2,500	-	7	n/a
09/30/2025	HDBC8Y253302	HDBank	2,500	-	8	n/a
09/30/2025	TCXCPO2527004	Chứng khoán TCBS	1,000	-	2	n/a
09/30/2025	TCXCPO2527002	Chứng khoán TCBS	1,000	-	2	n/a
09/30/2025	HDB_TPQT_2025	HDBank	-	-	3	n/a
09/30/2025	SHB_TPCC_2025_2	SHB	2,649	-	7	n/a
11/30/2025	BVB_TPCC_2024_2025_5	Ngân hàng Bản Việt – BVBank	700	-	8	n/a
11/30/2025	BCM_TPRL_2025	Becamex IDC	2,500	-	3	n/a
12/31/2025	VTR_TPCĐ_RL2024	Du lịch Vietravel	500	-	3	n/a
12/31/2025	TCXCPO2527005	Chứng khoán TCBS	1,000	-	2	n/a
12/31/2025	LPB7Y202403	LPBank	900	-	7	n/a
12/31/2025	ACB_TPRL_BOND2025_1	ACB	20,000	-	5	n/a
12/31/2025	MBB_TPRL_2025_20000	MBBank	20,000	-	2	n/a
12/31/2025	MBB_TPRL_25.02	MBBank	6,000	-	5	n/a
12/31/2025	MBB_TPRL_25.01	MBBank	4,000	-	5	n/a
12/31/2025	BID_TPRL_2025	BIDV	23,000	-	5	n/a
12/31/2025	ACB_TPRL_2025_2	ACB	20,000	-	5	n/a
12/31/2025	VPB_TPQT_2025	VPBank	-	-	5	n/a
12/31/2025	LPB10Y202404	LPBank	100	-	10	n/a
02/28/2026	BVB_TPCC_2024_2025_6	Ngân hàng Bản Việt – BVBank	-	600	8	n/a

Nguồn: FiinProX

- Kế hoạch phát hành TPDN đã công bố đa phần thuộc về nhóm Tổ chức tín dụng với nhu cầu về vốn trung dài hạn nhằm phục vụ mục tiêu tăng trưởng tín dụng ngày càng lớn. Chúng tôi kỳ vọng nhóm nhà phát hành này sẽ tiếp tục công bố nhiều kế hoạch phát hành TPDN trung dài hạn trong thời gian tới. Ngoài ra, như đã nhận định ở trên, nhóm TCPH phi tài chính, cụ thể là doanh nghiệp BĐS, nhiều khả năng cũng sẽ có kế hoạch phát hành TPDN nhiều hơn trong năm nay khi môi trường kinh doanh được cải thiện.

Tỷ suất lợi tức đáo hạn bình quân của top 10 Ngân hàng và Doanh nghiệp phi Ngân hàng có giá trị lưu hành lớn nhất

Tỷ suất lợi tức đáo hạn (YTM) của top 10 Ngân hàng theo giá trị lưu hành (tại ngày 02/07/2025)

STT	Tổ chức phát hành	Giá trị lưu hành (tỷ VND)	YTM bình quân	Kỳ hạn còn lại bình quân (Tháng)	<6M	6 - 12M	12 - 18M	18 - 24M	24 - 36M	3 - 5Y	5 - 7Y	>7Y
1	BIDV	72,355.99	6.56%	76.00							6.56%	6.43%
2	VietinBank	69,077.02	6.06%	92.80							6.08%	6.02%
3	ACB	64,870.00	9.37%	18.97	10.65%		5.76%	5.72%	6.00%			
4	HDBank	62,119.81	6.99%	51.31			6.28%	3.98%	5.76%	7.26%	7.46%	7.51%
5	Techcombank	59,590.00	4.65%	25.93			5.39%	3.99%	5.11%			
6	Agribank	55,991.20	6.31%	62.78					6.31%			
7	MBBank	48,038.12	5.75%	48.68				6.27%	5.55%	5.98%	7.87%	6.34%
8	Ngân hàng Phương Đông	40,400.00	6.19%	27.92	12.21%		4.81%	4.46%	5.96%			
9	TPBank	34,334.00	4.70%	51.60		2.98%		4.29%	5.52%			
10	LPBank	23,467.45	7.01%	46.45			6.86%		6.10%		7.97%	

Nguồn: FiinProX

- Đối với nhóm Ngân hàng, YTM không có sự khác biệt lớn, chủ yếu dao động trong khoảng 4-7% tùy theo kỳ hạn còn lại.

Tỷ suất lợi tức đáo hạn bình quân của top 10 Ngân hàng và Doanh nghiệp phi Ngân hàng có giá trị lưu hành lớn nhất

Tỷ suất lợi tức đáo hạn (YTM) của top 10 Doanh nghiệp phi Ngân hàng theo giá trị lưu hành (tại ngày 02/07/2025)

STT	Tổ chức phát hành	Giá trị lưu hành (tỷ VNĐ)	YTM bình quân	Kỳ hạn còn lại bình quân (Tháng)	<6M	6 - 12M	12 - 18M	18 - 24M	24 - 36M	3 - 5Y	5 - 7Y	>7Y
1	VinGroup	45,859.95	10.28%	22.67		10.65%		10.19%	10.26%			
2	Vinhomes	36,590.00	9.48%	18.47	8.75%	9.34%		9.73%	9.86%			
3	Vietjet Air	25,000.00	8.03%	39.73					7.94%	8.03%		
4	SX và Kinh doanh Vinfast	14,620.00	11.02%	35.55	6.97%		9.54%	13.53%	10.63%	12.56%		
5	Capitaland Tower	12,239.80	4.36%	37.33						4.36%		
6	Becamex IDC	12,206.00	7.21%	24.55		8.57%	0.91%	9.27%	9.70%	10.63%		
7	Đầu tư và Du lịch Vạn Hương	10,514.50	9.63%	26.19			9.89%		9.60%			
8	Địa ốc Việt Hân	9,735.63	3.55%	30.89						3.55%		
9	Bất động sản HANO – VID	9,543.95	3.64%	15.87						3.64%		
10	Điện gió Trung Nam Đắk Lắk 1	9,053.77	8.13%	111.67			10.56%				7.57%	

Nguồn: FiinProX

- Đối với nhóm doanh nghiệp phi ngân hàng, YTM chủ yếu dao động từ hơn 7-11%, phần lớn tập trung ở các doanh nghiệp lớn, có thương hiệu và lịch sử hoạt động đã được chứng minh như Vinhomes (VHM), Vietjet Air (VJC), hay Becamex (BCM). Đây đồng thời cũng là nhóm trái phiếu có thanh khoản tương đối tốt trên thị trường.

Danh sách Trái phiếu phát hành tháng 06/2025 theo ngành (cập nhật đến ngày 09/07/2025)

Mã TP	Tổ chức phát hành	Giá trị phát hành (tỷ VND)	Kỳ hạn (năm)	Coupon (%/năm)	Ngày phát hành
Bất động sản		12,722			
SGX12501	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Sài Gòn Xanh	192	5	12.00	6/26/2025
TBG12501	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ TÂY BẮC	120	3	11.50	6/24/2025
TOC12502	Công ty cổ phần Tư vấn và Kinh doanh bất động sản TCO	5,000	2	9.00	6/25/2025
VIC12508	TẬP ĐOÀN VINGROUP	1,000	3	12.00	6/25/2025
ATL12501	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP AN THỊNH	5,000	2	9.00	6/25/2025
AVN32502	CÔNG TY CỔ PHẦN AAC VIỆT NAM	750	7	9.10	6/13/2025
NLG12501	Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long	660	3	11.00	6/5/2025
Kinh doanh chứng khoán		500			
TCX12503	CTCP chứng khoán Kỹ thương	500	1	7.00	6/10/2025
Lĩnh vực khác		1,000			
VJC12501	CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KHÔNG VIETJET	1,000	5	10.50	6/27/2025
Sản xuất		2,960			
HOS12501	CÔNG TY TNHH HÓA CHẤT HYOSUNG VINA	250	1	7.00	6/24/2025
VIF12502	CTCP SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VINFAST	2,500	3	12.00	6/30/2025
APM12501	CTCP VẬT TƯ NÔNG SẢN	210	4	10.00	6/6/2025
Thương mại, dịch vụ		250			
F8812503	Công ty cổ phần kinh doanh F88	50	2	10.50	6/12/2025
MTD12502	Công ty cổ phần đầu tư đường Mặt Trời	200	1	8.00	6/16/2025
Xây dựng		320			
CII12501	CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	200	5	10.25	6/24/2025
FCN12501	CTCP FECON	120	2	11.00	6/10/2025

Danh sách Trái phiếu phát hành tháng 06/2025 theo ngành (cập nhật đến ngày 09/07/2025) – tiếp theo

Mã TP	Tổ chức phát hành	Giá trị phát hành (tỷ VND)	Kỳ hạn (năm)	Coupon (%/năm)	Ngày phát hành
Tổ chức tín dụng		87,759			
VPB12506	NH TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG	1,500	3	5.20	6/30/2025
VPB12507	NH TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG	2,000	3	5.40	6/30/2025
VPB12508	NH TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG	1,000	3	5.20	6/30/2025
VPB12509	NH TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG	3,000	3	5.40	6/30/2025
HCV12509	HOME CREDIT VIỆT NAM	400	2	6.80	6/27/2025
NAB12502	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á	260	7	7.00	6/26/2025
NAB12501	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á	500	3	5.60	6/25/2025
CTG12504	Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam	850	8	5.83	6/2/2025
CTG12507	Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam	3,000	8	5.88	6/24/2025
TPB12515	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	163	10	7.28	6/24/2025
BID12525	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	135	7	5.68	6/24/2025
BID12524	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	150	8	5.83	6/24/2025
HCV12508	HOME CREDIT VIỆT NAM	350	2	6.80	6/25/2025
ACB12511	Ngân hàng TMCP Á Châu	1,000	3	5.60	6/24/2025
BID12523	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	100	7	5.68	6/20/2025
HCV12507	HOME CREDIT VIỆT NAM	400	2	6.80	6/25/2025
HCV12506	HOME CREDIT VIỆT NAM	500	3	7.10	6/24/2025
TPB12514	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	196	10	7.28	6/23/2025
ACB12512	Ngân hàng TMCP Á Châu	5,000	2	4.95	6/24/2025
ACB12513	Ngân hàng TMCP Á Châu	5,000	2	5.40	6/25/2025
BID12521	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	260	7	5.68	6/20/2025
BID12522	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	122	8	5.83	6/20/2025
TPB12513	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	118	10	7.28	6/20/2025

Danh sách Trái phiếu phát hành tháng 06/2025 theo ngành (cập nhật đến ngày 09/07/2025) – tiếp theo

MBB12508	NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI	5,000	3	5.00	6/19/2025
MBB12512	NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI	500	7	6.18	6/24/2025
TCB12514	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	5,000	2	5.10	6/20/2025
MSB12506	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	1,000	3	5.20	6/23/2025
CTG12506	Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam	1,000	8	5.83	6/20/2025
MBB12510	NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI	2,000	3	5.00	6/23/2025
TPB12512	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	196	10	7.28	6/19/2025
MBB12509	NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI	200	8	6.38	6/20/2025
ACB12510	Ngân hàng TMCP Á Châu	5,000	2	4.95	6/18/2025
SHB12501	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	3,000	7	7.65	6/18/2025
MBB12511	NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI	5,000	3	5.40	6/24/2025
MBB12507	NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI	2,000	10	6.48	6/18/2025
CTG12505	Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam	400	8	5.73	6/18/2025
TPB12511	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	188	10	7.28	6/17/2025
TPB12509	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	112	10	7.28	6/13/2025
TPB12510	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	100	10	6.78	6/13/2025
BID12518	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	360	7	5.68	6/13/2025
BID12519	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	850	7	5.68	6/13/2025
BID12520	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	202	8	5.83	6/13/2025
OCB12511	Ngân hàng TMCP Phương Đông	3,000	3	5.40	6/18/2025
ABB12511	Ngân hàng TMCP An Bình (ABBANK)	1,000	3	5.80	6/16/2025
TPB12508	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	1,000	10	7.28	6/12/2025
OCB12510	Ngân hàng TMCP Phương Đông	1,000	3	5.40	6/12/2025
ABB12510	Ngân hàng TMCP An Bình (ABBANK)	500	2	5.60	6/13/2025
ACB12509	Ngân hàng TMCP Á Châu	1,600	2	5.30	6/12/2025
TCB12512	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	2,000	2	5.10	6/11/2025
TCB12513	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	2,000	2	5.10	6/12/2025
BID12517	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	200	8	5.83	6/10/2025
BID12516	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	85	8	5.90	6/10/2025
BID12515	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	250	7	5.68	6/10/2025
TCB12511	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	2,000	2	5.10	6/10/2025

Danh sách Trái phiếu phát hành tháng 06/2025 (cập nhật đến ngày 09/07/2025) – tiếp theo

HCV12505	HOME CREDIT VIỆT NAM	400	2	6.80	6/11/2025
TPB12507	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	124	10	7.28	6/10/2025
ACB12508	Ngân hàng TMCP Á Châu	250	2	5.30	6/9/2025
TPB12506	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	339	10	7.28	6/4/2025
MSB12505	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	1,000	3	5.20	6/11/2025
MBB12506	NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI	50	7	6.18	6/6/2025
BID12514	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	600	7	5.68	6/5/2025
ACB12507	Ngân hàng TMCP Á Châu	5,000	2	4.95	6/5/2025
HCV12504	HOME CREDIT VIỆT NAM	350	3	7.10	6/6/2025
ACB12506	Ngân hàng TMCP Á Châu	2,000	2	5.30	6/4/2025
BAB12503	Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Bắc Á	1,000	2	5.40	6/4/2025
OCB12509	Ngân hàng TMCP Phương Đông	500	3	5.40	6/4/2025
OCB12508	Ngân hàng TMCP Phương Đông	900	3	5.40	6/3/2025
TCB12510	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	2,500	3	5.10	6/3/2025



FiinRatings

A Strategic Partner of S&P Global

Liên hệ

Trụ sở chính

Tầng 10, Tòa nhà Peakview Tower, số 36 phố Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84) 24 3562 6962

Email: support.fiinratings@fiingroup.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Phòng 1682, Tầng 16, Tòa nhà Bitexco Financial Tower, số 2 đường Hải Triều, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84) 329 813 686

Email: support.fiinratings@fiingroup.vn

Tài liệu này được soạn thảo bởi Công ty Cổ phần FiinRatings chỉ sử dụng cho mục đích tham khảo. Đây không phải là Báo cáo xếp hạng tín nhiệm và không khuyến nghị mua, bán hoặc nắm giữ bất kỳ cổ phiếu nào hoặc bất kỳ giao dịch cụ thể nào khác. Thông tin trong Báo cáo này, bao gồm dữ liệu, số liệu, bảng, phân tích và nhận xét của FiinRatings, chỉ được sử dụng để tham khảo theo quyết định của riêng bạn. FiinRatings sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ tổn thất hoặc hậu quả nào có thể xảy ra do việc sử dụng thông tin trong báo cáo này. FiinRatings giữ bản quyền đối với báo cáo này và toàn bộ nội dung trong Báo cáo này. Báo cáo này được bảo hộ bản quyền theo pháp luật về quyền tác giả của Việt Nam và các nước theo các công ước, điều ước quốc tế về quyền tác giả mà Việt Nam là thành viên.

